

Ngày 20 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D\_3\_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24 giờ  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2022 tại đường dẫn: [www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong](http://www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN BẢO LONG**



**BÌNH DƯƠNG ACC**  
**ISO 9001:2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
**ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **Năm 2021**



# THÔNG TIN CHUNG



**1. Thông tin khái quát**

Tên tiếng anh : **ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BÌNH DƯƠNG ACC**

Giấy CNĐKDN : 3700926112

Vốn điều lệ : 1.049.999.930.000 (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.049.999.930.000 (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Địa chỉ : Lô D\_3\_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274 3567200

Fax : 0274 3567201

Email : [becamexacc@gmail.com](mailto:becamexacc@gmail.com)

Website : [www.becamexacc.com.vn](http://www.becamexacc.com.vn)

Mã cổ phiếu : ACC



**Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tên cũ là: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 22/5/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thưởng BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG.

Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn lần 2 tại Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình với 450.000 cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 1.350.000 cổ phần.

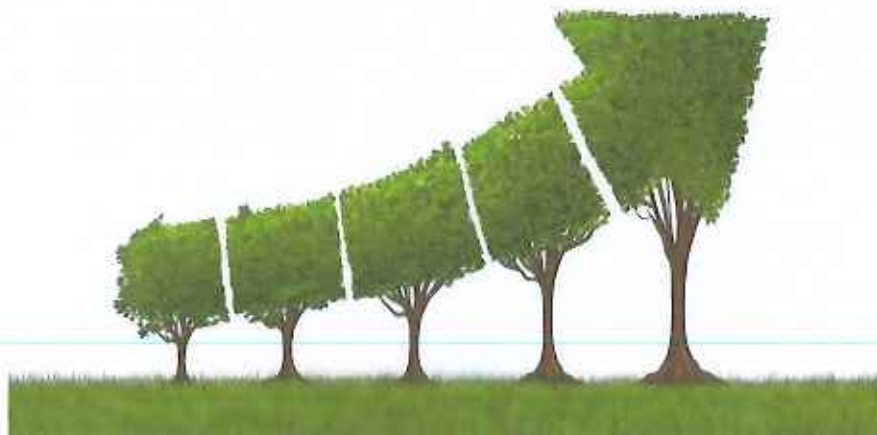
Ngày 01/02/2019, Tổng Công ty Becamex IDC bán toàn bộ 7.336.704 cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông Becamex mà mình sở hữu cho cổ đông khác.

Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 21/12/2020, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 09/02/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 7) tăng vốn điều lệ thành 300.000.000.000 đồng.

Ngày 9/4/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 8) ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 15/2/2022, Công ty kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 24/2/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 9) tăng vốn điều lệ thành 1.049.999.930.000 đồng.



2. Ngành nghề kinh doanh chính



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC trong địa bàn tỉnh Bình Dương, Bình Phước và một số tỉnh lân cận.



**3. Mô hình quản trị**

*Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):* là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

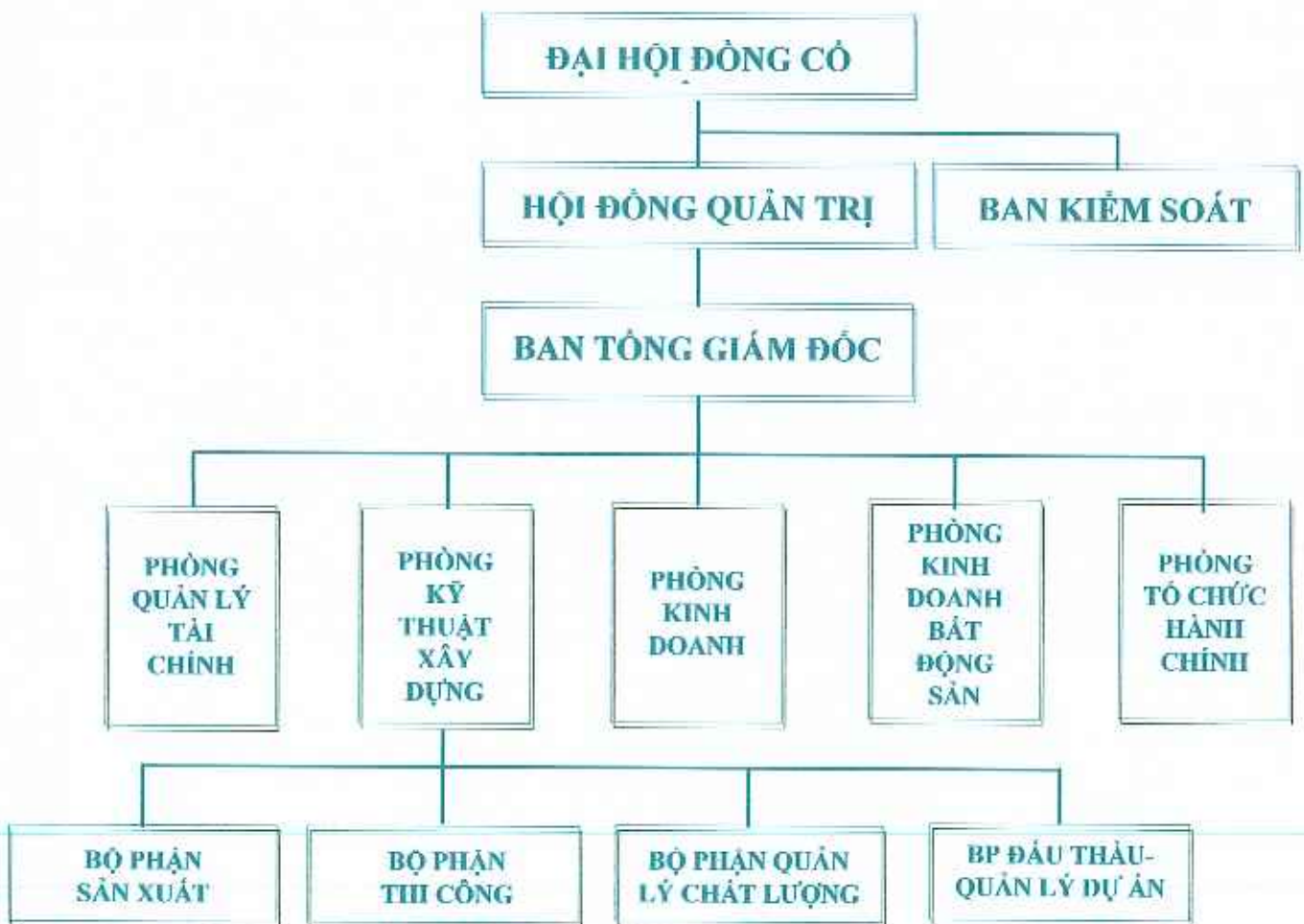
*Hội đồng quản trị (HĐQT):* Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.

*Ban kiểm soát:* Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên.

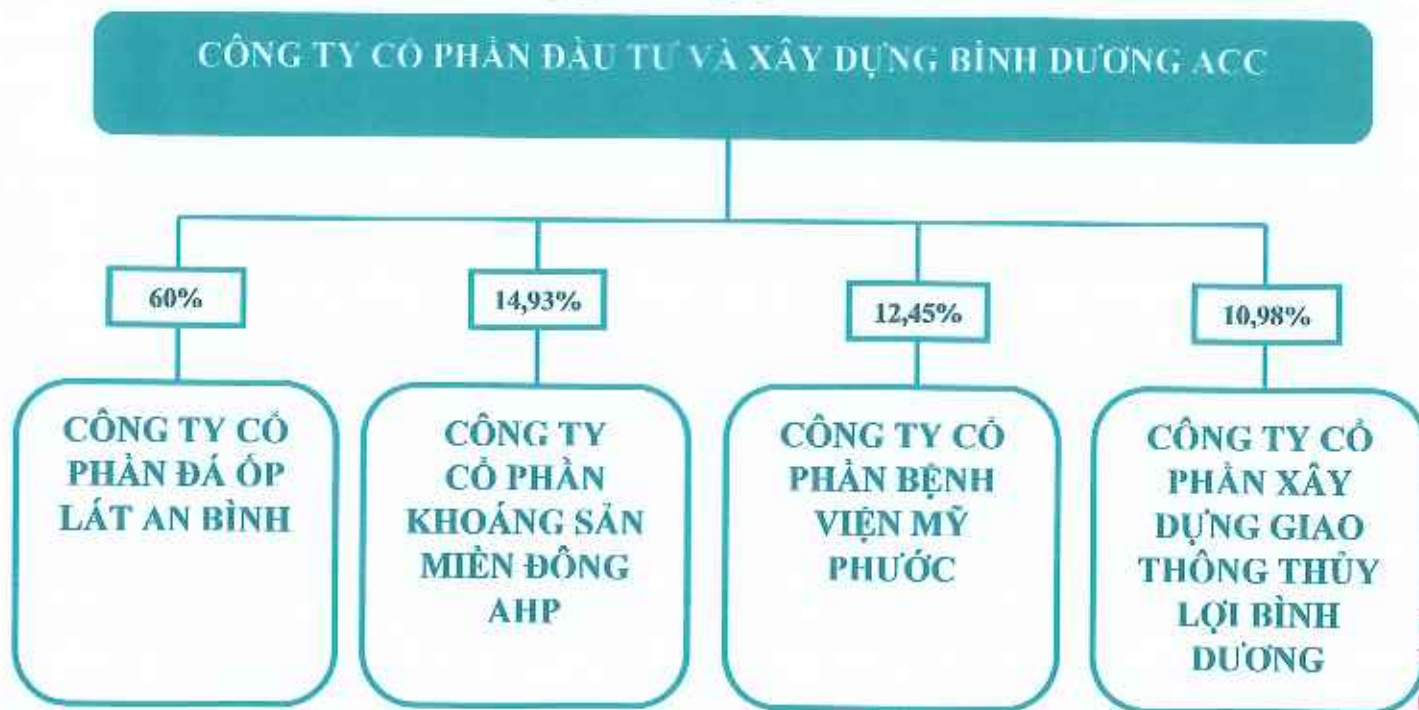
*Ban Tổng Giám đốc:* Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty; thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

**Cơ cấu bộ máy quản lý**

Sơ đồ công ty







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ÓP LÁT AN BÌNH (Tên viết tắt: ABG)**

Vốn điều lệ	22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	1.350.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá)

**CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY ĐẦU TƯ, GÓP VỐN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP (BMJ)**

Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	4.479.600 cổ phần, chiếm 14,93%/vốn điều lệ (Ngày 18/02/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phiếu BMJ cho bên khác, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 74,66%/vốn điều lệ còn 14,93%/vốn điều lệ)
Địa chỉ trụ sở	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác khoáng sản trừ khai thác cát) và các ngành nghề kinh doanh khác như: vận tải hàng hóa; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MỸ PHƯỚC (HJC)**

Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	2.490.000 cổ phần, chiếm 12,45% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, Đường TC 3, tổ 6, khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI BÌNH DƯƠNG (BHCC)**

Vốn điều lệ	7.800.000.000 (Bảy tỷ tám trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	85.670 cổ phần, chiếm 10,98% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Số 225, Đường 30 Tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện; Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; Trồng cây đô thị; Dịch vụ sơn kỹ thuật phân luồng bằng sơn nóng; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện và công trình xây lắp điện trung thế; Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ

**4. Định hướng phát triển**

**Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh và phát huy việc mở rộng thị trường mới thông qua việc cung cấp cho thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, dịch vụ tốt với tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với yêu cầu và lợi ích khách hàng.

Với chính sách "*Chất lượng cho mọi công trình*", Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC cam kết không ngừng sáng tạo đem đến cho khách hàng những sản phẩm đảm bảo chất lượng về kỹ thuật, thẩm mỹ và độ an toàn cao.

Tiếp tục phát huy thế mạnh những ngành nghề chủ lực và phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với giá cạnh tranh, lấy chuẩn mực tạo ra chất lượng; phát triển thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Công ty theo đuổi chính sách “*Chất lượng cho mọi công trình*”, vì vậy việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình là chiến lược xuyên suốt của Công ty.

Tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty một cách phù hợp thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo đầu tư có hiệu quả và đúng thời điểm trong tương lai.

Tăng cường hợp tác đầu tư phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước, làm chủ đầu tư các Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên Công ty vẫn duy trì và phát triển mở rộng các ngành nghề kinh doanh chủ lực sẵn có: sản xuất và thi công bê tông nhựa, sản xuất cống và cầu kiện các loại, thi công xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật... để tạo nguồn tài chính ổn định trong tương lai. Nguồn vốn sử dụng đầu tư bằng vốn tự có, vốn thu được từ phát hành thêm cổ phiếu, phát hành trái phiếu, vốn vay ngân hàng...

Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ CNV Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.

### **Các mục tiêu phát triển bền vững**

Nhận thức được việc muốn phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật không những về hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn về đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, vì vậy Bình Dương ACC luôn cố gắng không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, cải thiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực và chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại nhà máy và các công trình thi công, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công. Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất, thi công, phương tiện vận tải, phân loại chất thải theo đúng quy định.

## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH:

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng Công ty sẽ gặp phải những rủi ro về đặc thù ngành như sau:

#### Rủi ro cạnh tranh:

Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, trước áp lực mở cửa thị trường và tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, Công ty cũng tăng cường công tác nghiên cứu, thâm nhập thị trường mới nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và thị phần giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành. Hiện nay, Công ty phải chịu sức cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp hoạt động chung ngành nghề.

Ứng phó với rủi ro trên, Bình Dương ACC phải củng cố lại các mặt hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả hơn nữa để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguồn nguyên liệu chính, tìm kiếm nguồn cung ứng mới để giảm áp lực từ phía nhà cung cấp hiện tại, thâm nhập sâu hơn vào thị trường hiện hữu, phân loại khách hàng để có chính sách bán hàng thích hợp. Bên cạnh đó, dưới áp lực cạnh tranh ngày càng cao Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ sản xuất, thi công để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

#### Rủi ro về thị trường xây dựng và Bất động sản:

Thị trường xây dựng và bất động sản tiềm ẩn nhiều yếu tố xung quanh như: biến động giá nguyên vật liệu, cung cầu thị trường, chính sách của các Ngân hàng... Bất kỳ thay đổi đột ngột nào cũng có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất, thi công của Công ty.

Việc thu hồi nợ, quá trình giải ngân của các công trình thi công xong khá chậm do thời gian thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng một phần tới hoạt động quay vòng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Rủi ro về an toàn lao động:

Do tính đặc thù ngành nghề của công ty, vì vậy Công ty rất chú trọng đến công tác an toàn cho người lao động, ngoài việc Công ty thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn an toàn vệ sinh lao động định kỳ, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định, Ban An toàn lao động hàng tuần kiểm tra công tác an toàn lao động tại các công trường và nhà máy đồng thời truyền thông đến người lao động các quy định về an toàn lao động để giảm thiểu tối đa nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong sản xuất, thi công.

**Rủi ro về luật pháp:**



Là một Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vào đầu năm 2021, rất nhiều văn bản pháp luật điều

chỉnh hoạt động của Công ty đã được thay thế mới và có hiệu lực thi hành, do đó để hạn chế những rủi ro pháp luật phát sinh, Công ty luôn chú trọng theo dõi, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

**Rủi ro khác:**

Ngoài những rủi ro kể trên, Công ty luôn có ý thức phòng tránh các rủi ro bất khả kháng như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2020 và 2021 dịch bệnh Covid-19 bùng phát diễn biến nhanh và phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng. Để giảm thiểu những ảnh hưởng trước thực trạng này, Bình Dương ACC thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội. Sau thời gian giãn cách, Công ty đã triển khai đầy mạnh thi công xây dựng các công trình kết hợp với các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động theo đúng quy định về phòng – chống dịch Covid-19. Đồng thời, duy trì thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty, tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm để phòng ngừa và giảm thiểu tối đa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021



**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2021 dịch bệnh Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của công ty. Trước tình hình khó khăn chung, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã đem lại kết quả kinh doanh như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	670.920.966.193	363.618.450.689	54%
	<i>Sản xuất, kinh doanh &amp; thi công BTNN</i>	<i>175.237.036.752</i>	<i>119.554.827.493</i>	<i>68%</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>379.017.244.868</i>	<i>142.467.613.376</i>	<i>38%</i>
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	<i>94.326.884.572</i>	<i>61.620.009.445</i>	<i>65%</i>
	<i>Doanh thu cung cấp HHĐV, cho thuê XMTB</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>16.392.785.610</i>	<i>1.093%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>2.339.800.000</i>	<i>21.004.841.427</i>	<i>898%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>18.500.000.000</i>	<i>2.578.373.338</i>	<i>14%</i>
2	Tổng chi phí	584.531.279.417	317.658.492.629	54%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	86.389.686.776	45.959.958.060	53%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.559.709.421	37.008.953.698	53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)



Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021
1	Tổng doanh thu	16.909.647.570
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	15.684.811.834
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	60.085.368
1.3	Thu nhập khác	1.164.750.368
2	Tổng chi phí	14.678.757.138
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.230.890.432
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	365.641.674

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

**Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021**

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH hợp nhất năm 2021	TH hợp nhất năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	686.460.166.193	377.764.909.865	55%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	86.448.831.018	47.262.796.144	55%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.607.024.814	38.497.402.252	55%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	69.588.098.657	37.605.046.079	
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	18.926.157	892.356.173	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

**Tình hình đầu tư, góp vốn**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các Công ty như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	1.350.000	2.490.000	85.670
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	14,93%	60%	12,45%	10,98%

Ngày 18/02/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phiếu BMJ cho bên khác, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 74,66%/vốn điều lệ còn 14,93%/vốn điều lệ.



**2. Tổ chức và nhân sự**

**Danh sách Ban điều hành**

**ÔNG: NGÔ ANH QUÂN**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 0 cổ phần, chiếm 0%.

**Quá trình công tác:**

Từ 08/2008 - 05/2016: Quản trị Mạng tại Công ty Tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng Thikeco

Từ 06/2016 - 01/2017: Quản lý Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần FINTEC

Từ 02/2017 - 06/2020: Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI)

Từ 06/2020 - 03/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 03/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

**ÔNG: NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 0 cổ phần, chiếm 0%.

**Quá trình công tác:**

Từ 05/2005 - 05/2009: Kế hoạch dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 06/2009 - 06/2010: Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2010- 06/2014 : Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Ban điều hành dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2014 - 04/2016 : Nhân viên phòng kế hoạch thống kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2016 - 12/2017: Trưởng phòng kế hoạch – Thi công Công ty TNHH DT TM& XD Hùng Anh( Chuyên xây dựng nhà, hoàn thiện nhà).

Từ 01/2018 - 03/2019 : Phó phòng kế hoạch thống kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2019 - 11/2020: Trưởng phòng Dự án kế hoạch/ Phó tổng phụ trách dự án Công ty CP ĐT Tân Minh.

Từ 12/2020 – 01/2021: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 02/2021 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Không có.

**ÔNG: PHẠM HỮU NGUYỄN**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 0 cổ phần, chiếm 0%.

**Quá trình công tác:**

Từ tháng 01/2014 – 3/2017: Kỹ sư xây dựng tại Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng HUD1.

Từ tháng 4/2017 – 12/2017: Nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn.

Từ tháng 13/3/2020 - 14/12/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 15/12/2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Hà Nội.

**BÀ: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc tài chính

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 2.450 cổ phần, chiếm 0,0023%.

**Quá trình công tác:**

Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Dầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP.

Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/2/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/3/2011 đến 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/8/2015 đến 13/5/2019: Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 14/5/2019 đến 31/12/2020: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/01/2021 đến nay: Phó TGĐ tài chính Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

**ÔNG: LÊ HÙNG LAM**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Trình độ chuyên môn : Kế toán – kiểm toán  
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 175 cổ phần, chiếm 0,0001%.

***Quá trình công tác:***

Từ 07/2008 – 01/2015: nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 02/2015 – 07/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2015 – 07/2018: Phó phòng SXKD tổng hợp Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2018 – 12/2018: Tổ trưởng tổ KSNB Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 01/2019 đến 12/03/2020: Phó phòng Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Từ ngày 13/03/2020 đến 14/12/2020: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 15/12/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Không.

**ÔNG: NGUYỄN THẾ ANH**

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng  
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 0 cổ phần, chiếm 0%.

***Quá trình công tác:***

Từ 2005 – 2008: Kỹ sư kết cấu Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2009 – 2011: Trưởng phòng thiết kế kết cấu Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2012 – 2013: Quản lý BIM | Giám đốc Chi nhánh Hà Nội | Quản lý chất lượng Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2014 – 2017: Trưởng phòng thiết kế kết cấu | Quản lý BIM Công ty Structures Việt Nam.

Từ 2017: Giám đốc điều hành BIM Solutions Việt Nam.

Từ 2017 – 1/2021: Giám đốc dự án | Quản lý dự án | Giám đốc thiết kế Công ty Artelia Việt Nam.

Từ 15/1/2021 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Không.

**ÔNG: PHẠM HUY HẬU**

Chức vụ : Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 25/03/2022): 0 cổ phần, chiếm 0%.

**Quá trình công tác:**

Từ 1987 – 1990: Kế toán tại Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn, Cà Mau.

Từ 1991 – 1996: Kế toán Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau.

Từ 1997 – 2000: Cán bộ Cục Quản lý vốn Minh Hải.

Từ 2000 – 2001: Kế toán Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Tắc Vân, Cà Mau.

Từ 2002 – 2005: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà Nam Việt.

Từ 2005 – 2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Bao bì Việt – thuộc Daso Group.

Từ 2008 – 9/2009: Kế toán trưởng Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng M.E.I

Từ 9/2009 - 03/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

14/5/2019 - 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2021): Thành viên BKS Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

Trong năm có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Huy Hậu	Phó Tổng giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
		Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 01/01/2021
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
		Phó Tổng giám đốc tài chính	Bỏ nhiệm ngày 01/01/2021
3	Võ Thành Tài	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2021
			Miễn nhiệm ngày 01/04/2021

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
4	Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
5	Nguyễn Bảo Long	Phó TGD thường trực	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
			Miễn nhiệm ngày 29/3/2021
6	Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
7	Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/3/2021
8	Ngô Anh Quân	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/3/2021

### Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2021

Chi tiêu	Năm 2021	
	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ</b>	<b>253</b>	<b>100%</b>
Cao học	2	1%
Đại học	44	17%
CD & TC	17	7%
CN Kỹ thuật	40	16%
Lao động phổ thông	150	59%
<b>Theo hợp đồng</b>	<b>253</b>	<b>100%</b>
HDLĐ không xác định thời hạn	136	54%
HDLĐ có thời hạn	114	45%
HDLĐ thử việc	3	1%

### Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự

#### Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Đánh giá nguồn nhân lực và bố trí sắp xếp lại theo yêu cầu công việc, thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm.

Luôn chú trọng công tác đào tạo người lao động để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc của Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ phù hợp quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.

*Chính sách lương thưởng - phúc lợi:*

Đặc thù tính chất ngành xây dựng là ngành thâm dụng về lao động, vì thế trong các năm vừa qua, Công ty luôn đảm bảo các lợi ích của nhân viên khi làm việc và cống hiến tại Công ty, cụ thể:

- Cải thiện chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí công việc nhằm ghi nhận năng lực và kết quả công việc của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những nhân viên có năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty.
- Chính sách chăm lo đời sống cho nhân viên cũng được Công ty chú trọng phát huy như: Lương tháng 13; tổ chức các chương trình thường niên dành cho nhân viên nữ; quà cho con em cán bộ công nhân viên nhân ngày 1/6... Ngoài ra, do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho nhân viên công tác tại các công trình như: phụ cấp di lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn...theo quy định hiện hành của pháp luật. Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên Công ty. Phối hợp với tổ chức đoàn thể thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, hiếu, hỷ, thai sản...
- Thường xuyên khảo sát môi trường làm việc để kịp thời xem xét, thay đổi cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**Các khoản đầu tư lớn:** Không có

**Các dự án trong năm:**

- Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại tại Khu dân cư Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP với tổng mức đầu tư dự án là 2.077.405.000.000 đồng (trong đó giá trị theo Hợp đồng hợp tác với Becamex IDC Corp. là 815.183.600.000 đồng). Dự án bắt đầu triển khai từ quý IV năm 2021.

Đvt: Tr.Đồng

S T T	CHỈ TIÊU	DVT	CÔNG TY CON			
			ABG	BMJ	HJC	BHCC
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	23.671	406.362	466.909	-
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	15.684	76.061	245.421	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	1.066	22.576	(13.676)	-
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	1.164	(384)	25.982	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.230	22.191	12.306	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	365	19.073	9.289	-

**4. Tình hình tài chính**

**Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	796.657.894.985	1.166.675.025.784
2	Doanh thu thuần	402.286.665.568	340.035.235.924
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.195.194.007	43.385.358.501
4	Lợi nhuận khác	1.139.005.083	2.574.599.559
5	Lợi nhuận trước thuế	53.334.199.090	45.959.958.060
6	Lợi nhuận sau thuế	43.508.075.627	37.008.953.698

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

**Tình hình tài chính hợp nhất**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	913.004.267.902	1.175.563.025.601
2	Doanh thu thuần	484.860.108.810	352.999.336.076
3	LN từ hoạt động kinh doanh	77.417.105.261	43.523.449.277
4	LN khác	1.384.758.135	3.739.346.867
5	LN trước thuế	78.801.863.396	47.262.796.144
6	LN sau thuế	65.030.620.646	38.497.402.252

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,98	1,76
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,96	0,57
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,44	0,6
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,78	1,51
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1,46	0,61
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,66	0,35
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11%	11%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	13%	8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	7,2%	3,8%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	13%	13%

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,13	1,81
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,16	0,61
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,4	0,6
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,8	1,47
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,6	0,63
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,7	0,34
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	13,4%	10,1%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	17,2%	7,8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	9,2%	3,7%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	16%	12%



**5. Cơ cấu cổ đông**

**Cổ phần**

Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
Mã CK	ACC	
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	
Tổng số cổ phần đang lưu hành	104.999.993	100%
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **104.732.129** cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **267.864** cổ phần.

Ngày 15/02/2022, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên thành 1.049.999.930.000 đồng.

**Cơ cấu cổ đông: (Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 25/03/2022)**

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
<b>Cá nhân trong nước</b>	<b>2.299</b>	<b>70.109.868</b>	<b>66,77</b>
+ Chưa lưu ký	27	451.264	0,43
+ Đã lưu ký	2.272	69.658.604	66,34
<b>Tổ chức trong nước</b>	<b>22</b>	<b>26.190.752</b>	<b>24,94</b>
+ Chưa lưu ký	0	0	0,00
+ Đã lưu ký	22	26.190.752	24,94
<b>CỘNG TRONG NƯỚC</b>	<b>2.321</b>	<b>96.300.620</b>	<b>91,71</b>
+ Chưa lưu ký	27	451.264	0,43
+ Đã lưu ký	2.294	95.849.356	91,29
<b>Cá nhân nước ngoài</b>	<b>52</b>	<b>331.335</b>	<b>0,32</b>
+ Chưa lưu ký	0	0	0,00
+ Đã lưu ký	52	331.335	0,32
<b>Tổ chức nước ngoài</b>	<b>13</b>	<b>8.368.038</b>	<b>7,97</b>
+ Chưa lưu ký	0	0	0,00
+ Đã lưu ký	13	8.368.038	7,97
<b>CỘNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>65</b>	<b>8.699.373</b>	<b>8,29</b>
+ Chưa lưu ký	0	0	0,00
+ Đã lưu ký	65	8.699.373	8,29
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.386</b>	<b>104.999.993</b>	<b>100,00</b>

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) thành lập với số vốn góp ban đầu là 60.000.000.000 đồng. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ lần lượt thay đổi như sau:

Thời điểm	Giá trị thay đổi	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (đồng)	Phương thức thay đổi
Năm 2008	60.000.000.000		Thành lập
Năm 2010	40.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và cho người lao động theo chương trình ESOP
Năm 2020	200.000.000.000	300.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Năm 2021	749.999.930.000	1.049.999.930.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không có giao dịch

**Các chứng khoán khác**

Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, Công ty phải luôn hướng đến trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, thực hiện sản xuất, thi công đúng quy trình để đưa ra các sản phẩm đảm bảo tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đây cũng là một trong những định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tất cả các dự án mà Công ty thực hiện luôn cố gắng giảm thiểu tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động sản xuất, thi công của Công ty đem lại.

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:****Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm**

Trong năm 2021, Công ty đã nhập khối lượng lớn các nguồn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ sản xuất các sản phẩm và thi công chính của Công ty như: nhựa đường, bê tông, thép, cát, đá, xi măng, xăng, dầu các loại..., các loại vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước để phục vụ cho thi công.

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường và ngược lại tác động của môi trường cũng tạo nên những thuận lợi hay khó khăn nhất định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được rõ những tác động mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm quản lý và sử dụng tốt nhất nguồn nguyên vật liệu để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

## 6.2 Tiêu thụ năng lượng điện

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2021/2020
2020	2021	
977.700	849.910	86,92%

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ năng lượng, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm hiểu, áp dụng các phương án sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng Nhà nước, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp như: tắt tất cả các thiết bị điện văn phòng, nhà máy khi không có nhu cầu sử dụng nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện như đèn chiếu sáng, máy lạnh....dòng tiết kiệm điện.

## 6.3 Tiêu thụ nước

### Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, trung bình 1.516 m<sup>3</sup>/tháng.

### Chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Tại các công trình thi công, Công ty luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm nhất, triển khai áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước nếu có thể.

Đội bảo trì thường xuyên kiểm tra và khắc phục đường ống dẫn nước khi có sự cố để tránh rò rỉ, thất thoát nguồn tài nguyên nước.

Tận dụng nguồn nước từ sông Thị Tính để bảo dưỡng công bê tông cốt thép, tưới cây xanh, chống bụi khu vực xung quanh trạm sản xuất và nhà máy.

## 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu

cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.

Bình Dương ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

### Số lần vi phạm và tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2021 và các năm trước đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường vì vậy Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về môi trường.

### 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

#### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 là 253 người. Trong đó, tổng số lao động nữ là 24 người. Thu nhập bình quân 11.749.287 đồng/người/năm.

#### Trình độ chuyên môn chia ra như sau

Trình độ trên đại học: 2 người, chiếm 1% Tổng lao động.

Trình độ Đại học: 44 người, chiếm 17% Tổng lao động.

Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 17 người, chiếm 7% Tổng lao động.

Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 40 người, chiếm 16% Tổng lao động.

Lao động phổ thông: 150 người, chiếm 59% Tổng lao động.

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động. Thu nhập bình quân trung bình năm 2021 là: 11.749.287 đồng/người/năm.



**Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động. Công tác khám sức khỏe được thực hiện định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó còn có chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Nhân dịp Tết Nguyên Đán hằng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể nhân viên những phần quà nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.

**Hoạt động đào tạo người lao động**

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng năm tất cả nhân viên được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương. Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty vẫn cố gắng kết hợp cùng đơn vị tập huấn tổ chức huấn luyện bằng hình thức trực tuyến nhằm cố gắng tuyên truyền và nhắc nhở người lao động phải thường xuyên lưu ý, giữ an toàn vệ sinh trong hoạt động thi công và xây dựng của Công ty.

Xem xét cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ khi có nhu cầu.

**6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty luôn tuân thủ các chính sách tại địa phương hoạt động với mong muốn góp một phần vào sự phát triển chung của xã hội. Cam kết với định hướng phát triển bền vững bằng tất cả trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp, đề cao giá trị doanh nghiệp trong mối quan hệ với sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

**6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.

Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.

Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Bảo vệ môi trường là hành động mang tính cấp thiết nhằm xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Xác định đây là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2021 được xem là một năm nhiều khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhận thức được những khó khăn đó, Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo sát sao, cùng với sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể nhân viên, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	670.920.966.193	363.618.450.689	54%
	<i>Sản xuất, kinh doanh &amp; thi công BTNN</i>	<i>175.237.036.752</i>	<i>119.554.827.493</i>	<i>68%</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>379.017.244.868</i>	<i>142.467.613.376</i>	<i>38%</i>
	<i>Công BTCT, cấu kiện BTĐS</i>	<i>94.326.884.572</i>	<i>61.620.009.445</i>	<i>65%</i>
	<i>Doanh thu cung cấp HDDV, cho thuê XMTB</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>16.392.785.610</i>	<i>1.093%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>2.339.800.000</i>	<i>21.004.841.427</i>	<i>898%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>18.500.000.000</i>	<i>2.578.373.338</i>	<i>14%</i>
2	Tổng chi phí	584.531.279.417	317.658.492.629	54%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	86.389.686.776	45.959.958.060	53%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.559.709.421	37.008.953.698	53%

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán*

Trong năm 2021, đại dịch Covid-19 với biến thể mới bùng phát diễn biến nhanh và phức tạp đã gây ra ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Đặc biệt là trong quý 3 năm 2021 toàn tỉnh thực hiện giãn cách xã hội theo Chi thị 16, gây khó khăn cho Công ty trong việc tìm kiếm các hợp đồng cung cấp và thi công mới, việc cung cấp sản phẩm và các công trình đều phải tạm dừng thi công do yêu cầu giãn cách hoặc nếu có sản xuất, thi công thì phải thực hiện “3 tại chỗ” – Thi công tại chỗ, chống dịch tại chỗ và ăn ở tại chỗ. Vì vậy, dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng việc đạt được mức lợi nhuận 86,2% so với năm 2020 về cơ bản, Công ty đã bảo toàn được vốn chủ sở hữu, đảm bảo được các quyền lợi cơ bản của người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cũng như các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.

**Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>671.148.007.542</b>	<b>100%</b>	<b>790.142.761.814</b>	<b>100%</b>	<b>118.994.754.272</b>	<b>15,1%</b>
<b>1. Tiền</b>	<b>135.477.934.652</b>	<b>44%</b>	<b>79.766.456.613</b>	<b>26%</b>	<b>(55.711.478.039)</b>	<b>-69,8%</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>189.398.723.318</b>	<b>61%</b>	<b>176.232.006.344</b>	<b>57%</b>	<b>(13.166.716.974)</b>	<b>-7,5%</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	142.437.084.358	46%	174.783.335.999	57%	32.346.251.641	18,5%
Trả trước cho người bán	45.003.903.501	15%	1.668.821.610	1%	(43.335.081.891)	2596,7%
Phải thu ngắn hạn khác	2.557.160.299	1%	384.197.721	0%	(2.172.962.578)	-565,6%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(599.424.840)	0%	(604.348.986)	0%	(4.924.146)	0,8%
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>345.454.991.018</b>	<b>112%</b>	<b>533.402.220.710</b>	<b>173%</b>	<b>187.947.229.692</b>	<b>35,2%</b>
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>816.358.554</b>	<b>0%</b>	<b>742.078.147</b>	<b>0%</b>	<b>(74.280.407)</b>	<b>-10,0%</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	816.358.554	0%	742.078.147	0%	(74.280.407)	-10,0%
Thuế GTGT được khấu trừ	-	0%	-	0%	-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>125.509.887.443</b>	<b>100</b>	<b>376.532.263.970</b>	<b>100</b>	<b>251.022.376.527</b>	<b>66,7%</b>
<b>1. Các khoản phải thu dài hạn</b>			<b>255.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>
<b>2. Tài sản cố định</b>	<b>19.804.453.431</b>	<b>16%</b>	<b>17.284.405.179</b>	<b>5%</b>	<b>(2.520.048.252)</b>	<b>-14,6%</b>
TSCD hữu hình	11.153.172.152	11%	8.975.544.110	8%	(2.177.628.042)	-24,3%
Nguyên giá	108.648.469.295		109.703.069.295		1.054.600.000	1,0%
Giá trị hao mòn lũy kế	(97.495.297.143)		(100.727.525.185)		(3.232.228.042)	3,2%
TSCD vô hình	8.651.281.279	8%	8.308.861.069	8%	(342.420.210)	-4,1%
Nguyên giá	13.478.567.330		13.478.567.330		-	0,0%
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.827.286.051)		(5.169.706.261)		(342.420.210)	6,6%
<b>3. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>86.403.186.849</b>	<b>69%</b>	<b>85.880.851.200</b>	<b>23%</b>	<b>(522.335.649)</b>	<b>-0,6%</b>
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	71%	13.666.500.000	16%	(47.134.351.200)	-344,9%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.547.500.000	31%	73.681.851.200	86%	47.134.351.200	64,0%
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.125.164.351)	-1%	(1.647.500.000)	-2%	(522.335.649)	31,7%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	180.000.000	0%	180.000.000	0%	-	0,0%
<b>4. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>19.302.247.163</b>	<b>15%</b>	<b>18.367.007.591</b>	<b>5%</b>	<b>(935.239.572)</b>	<b>-5,1%</b>
Chi phí trả trước dài hạn	19.302.247.163	15%	18.367.007.591	5%	(935.239.572)	-5,1%



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>796.657.894.985</b>		<b>1.166.675.025.784</b>		<b>370.017.130.799</b>	
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>349.990.246.031</b>	<b>100%</b>	<b>701.043.988.426</b>	<b>100%</b>	<b>351.053.742.395</b>	<b>50,1%</b>
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>339.265.674.925</b>	<b>165%</b>	<b>448.237.710.679</b>	<b>218%</b>	<b>108.972.035.754</b>	<b>24,3%</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	70.405.952.215	36%	82.579.759.195	42%	12.173.806.980	14,7%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	170.066.218	0%	9.921.713.138	5%	9.751.646.920	98,3%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.761.510.937	2%	7.382.655.200	4%	2.621.144.263	35,5%
Phải trả người lao động	7.313.640.622	4%	3.038.699.541	2%	(4.274.941.081)	-140,7%
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.865.225.961	5%	10.986.697.622	6%	2.121.471.661	19,3%
Phải trả ngắn hạn khác	1.634.107.342	1%	1.216.050.417	1%	(418.056.925)	-34,4%
Vay ngắn hạn	244.809.189.776	125%	329.486.544.295	168%	84.677.354.519	25,7%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.042.760.347	1%	1.196.907.983	1%	154.147.636	12,9%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	263.221.507	0%	2.428.683.288	1%	2.165.461.781	89,2%
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>10.724.571.106</b>	<b>3%</b>	<b>252.806.277.747</b>	<b>36%</b>	<b>242.081.706.641</b>	<b>95,8%</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	10.724.571.106	3%	252.806.277.747	36%	242.081.706.641	95,8%
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>446.667.648.954</b>	<b>100%</b>	<b>465.631.037.358</b>	<b>100%</b>	<b>18.963.388.404</b>	<b>4,1%</b>
Vốn góp chủ sở hữu	300.000.000.000	144%	300.000.000.000	144%	-	0,0%
Thặng dư vốn cổ phần	1.344.945.181	1%	1.344.945.181	1%	-	0,0%
Vốn khác chủ sở hữu	9.055.511.950	4%	9.055.511.950	4%	-	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	56.123.821.471	27%	56.123.821.471	27%	-	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	80.143.370.352	38%	99.106.758.756	48%	18.963.388.404	19,1%
Lũy kế đến cuối kỳ trước	36.635.294.725	18%	62.097.805.058	30%	25.462.510.333	41,0%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>796.657.894.985</b>		<b>1.166.675.025.784</b>		<b>370.017.130.799</b>	

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2021: quy mô về vốn và tài sản của Công ty năm 2021 so với năm 2020 tăng 46,44% (tăng 370.017.130.799 đồng).

Trong cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao (67,73%) so với tài sản dài hạn (32,27%), Tài sản ngắn hạn tăng 118.994.754.272 đồng so với năm 2020. Trong năm 2021 tỷ trọng tài sản ngắn hạn cao gấp hai lần tài sản dài hạn, điều này cho thấy Công ty vẫn đang phát triển tốt và ổn định.

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Quản trị công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường để xuất HĐQT xem xét công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo uy tín với khách hàng.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí nhằm hạn chế tối đa việc lãng phí. Chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật.

Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động hiện có, xây dựng và điều chỉnh các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng thông qua các chính sách lương thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Ban điều hành xây dựng các chính sách tiền lương, thưởng các chế độ phúc lợi cho người lao động, các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc được đề xuất tăng lương trước thời hạn... để người lao động yên tâm công tác và cống hiến hết sức mình vào sự nghiệp phát triển chung của Công ty.

Nghiêm túc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với môi trường và cộng đồng.

**Kế hoạch phát triển trong năm 2022**

Năm 2022 được nhận định là năm triển vọng của ngành xây dựng khi Chính phủ đẩy mạnh các gói kích thích kinh tế sắp tới, đẩy mạnh vào hoạt động đầu tư công nhằm bù đắp cho sự suy giảm của các nền kinh tế trong đại dịch Covid-19 vừa qua.

Dự đoán được những khó khăn và cơ hội sắp tới cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc xác định các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, đồng thời tăng cường đẩy mạnh và mở rộng kinh doanh và phát triển các dự án bất động sản mà Công ty đang triển khai.

Vì vậy Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC:**

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	363.618.450.689	1.093.227.230.646
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	45.959.958.060	120.130.097.137
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.008.953.698	96.552.037.709

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2021	Kế hoạch hợp nhất năm 2022
1	Tổng doanh thu	377.764.909.865	1.102.227.230.646
1.1	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	352.999.336.076	1.069.558.778.591
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	21.022.450.083	31.668.452.055
1.3	<i>Thu nhập khác</i>	3.743.123.706	1.000.000.000
2	Tổng chi phí	330.502.113.721	981.050.933.509
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	47.262.796.144	121.176.297.137
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.497.402.252	97.388.997.709

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán*

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2022 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống; tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.

Đề ra các định hướng để phát triển lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm bên cạnh các sản phẩm chủ lực của ngành nghề kinh doanh truyền thống.

Đảm bảo tiến độ thi công các công trình, công tác nghiệm thu quyết toán kịp thời để đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tăng cường công tác kiểm soát chi phí như: kiểm soát chặt chẽ các định mức, nhân công, ca máy... quản lý tốt hoạt động sản xuất, thi công.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh của Nhà nước, thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19 để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh thích ứng an toàn và hiệu quả.

Nâng cao năng lực, đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất.

Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.

Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

HDQT thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu về tình hình tái sản...

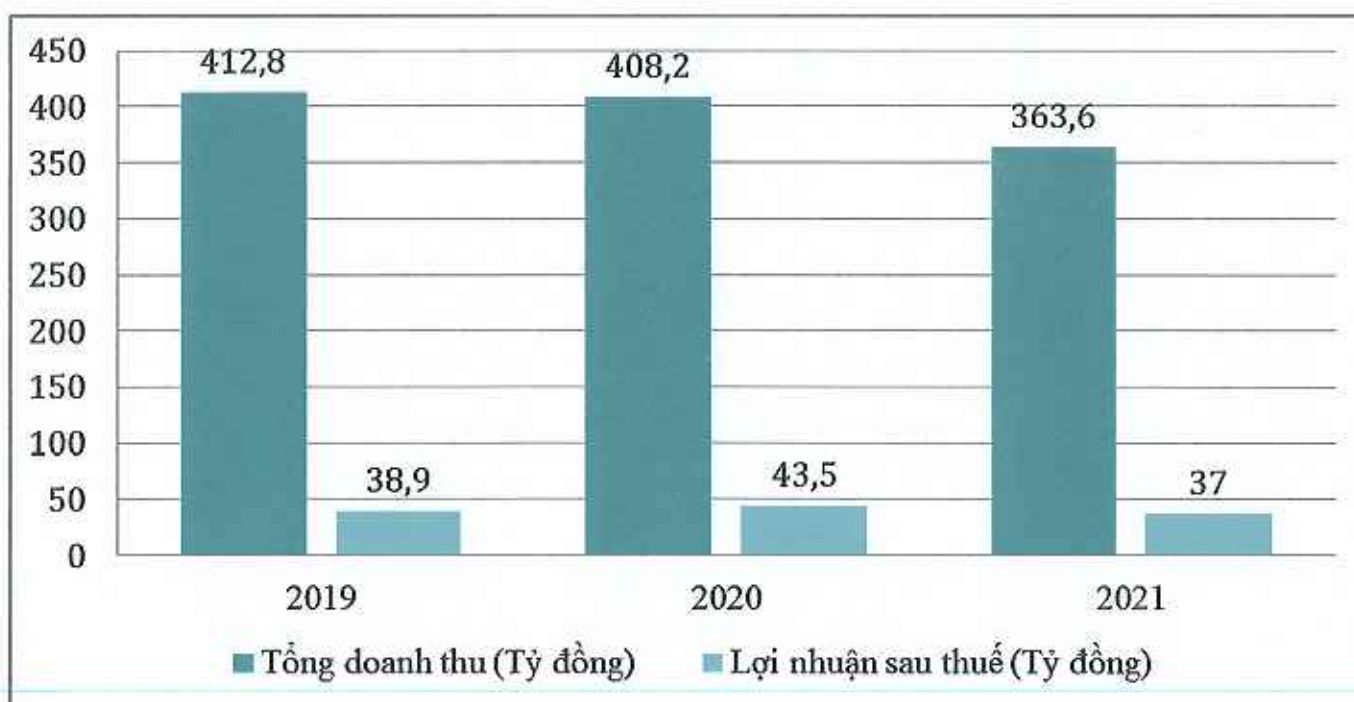
Trong năm 2021, HDQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được DHDCD phê duyệt.

Được sự chỉ đạo sâu sát của HDQT, với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo đã đem lại kết quả kinh doanh như sau:

### Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	670.920.966.193	363.618.450.689	54,19
2	Lợi nhuận trước thuế	86.389.686.776	45.959.958.060	53,20
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.559.709.421	37.008.953.698	53,20



**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác về những mặt hoạt động sau:

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính.

Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.

Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, đầu tư và sử dụng nguồn vốn, tình hình công nợ, đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoàn cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19.

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2021, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2022, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty mẹ ACC:**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	363.618.450.689	1.093.227.230.646
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	45.959.958.060	120.130.097.137
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.008.953.698	96.552.037.709

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 hợp nhất:**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	377.764.909.865	1.102.042.230.646
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	47.262.796.144	121.176.297.137
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.497.402.252	97.388.997.709
3.1	Lợi ích cổ đông công ty mẹ	37.605.046.079	97.054.213.709
3.2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	892.356.173	334.784.000

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt*

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, trong năm 2022 Hội đồng quản trị đưa ra các giải pháp trọng tâm như sau:

- Tuân thủ các quy định phòng chống dịch Covid-19, và chủ động cập nhật những diễn biến của dịch bệnh để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả, thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh.
- Tiếp tục mở rộng thị trường kinh doanh, phát huy thế mạnh những lĩnh vực kinh doanh truyền thống, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Tăng cường mở rộng sản xuất tại địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận, Công ty sẽ tập trung đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng áp dụng công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng truyền thống của Công ty trong các năm tiếp theo.
- Tham gia lĩnh vực Bất động sản với vai trò Chủ đầu tư các Dự án. Trước mắt, phát triển các Dự án Bất động sản tại tỉnh Bình Dương và sẽ tiếp tục phát triển các Dự án tại các tỉnh, thành khác trong khu vực Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- Tham gia hợp tác phát triển Bất động sản Công nghiệp với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) tại Bình Dương và các tỉnh, thành khác trên phạm vi cả nước.
- Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ việc chào bán cổ phần.
- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, chú trọng hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty phát triển bền vững.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính: khai thác hiệu quả các nguồn vốn và quỹ hiện có, đa dạng các hình thức huy động vốn...



# QUẢN TRỊ CÔNG TY



**Hội đồng quản trị****Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

HDQT được bầu bởi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm kỳ hiện tại của HDQT (2018-2023) với số lượng 5 thành viên, trong đó cơ cấu:  
1 Chủ tịch, 4 thành viên.

Thành viên	Chức danh	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng (Theo danh sách chốt ngày 25/3/2022)	
Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/3/2021
		Đại diện sở hữu	7.470.000 CP (24.9%)	
Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 29/3/2021
	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	
Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/3/2021

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục tổ chức và triển khai các hoạt động được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Triệu tập và chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã kết thúc đợt chào bán thành công vào ngày 15/02/2022, nâng vốn điều lệ công ty từ 300 tỷ lên thành 1.049.999.930.000 đồng.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo quy định.
- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro...
- Theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, từ đó có những chỉ đạo và phê chuẩn kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đặc biệt là việc kiểm tra công tác tài chính. Hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 32 cuộc họp, ban hành 33 Nghị quyết thông qua các chủ trương, vấn đề quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	02/01/2021	Thông qua việc cử - hủy người đại diện trong quan hệ cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – chi nhánh Tây Hồ.
2	02/2021/NQ-HĐQT	15/01/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
3	03/2021/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
4	04/2021/NQ-HĐQT	27/01/2021	Thông qua việc cử - hủy người đại diện trong quan hệ cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương
5	05/2021/NQ-HĐQT	30/01/2021	Thông qua việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ.
6	06/2021/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
7	07/2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 17.918.400 quyền mua cổ phiếu BMJ.
8	08/2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	Thông qua việc ủy quyền đàm phán, giao kết một số hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
9	09/2021/NQ-HĐQT	15/02/2021	Thông qua việc phân công tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
10	10/2021/NQ-HĐQT	10/3/2021	Thông qua việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
11	11/2021/NQ-HĐQT	11/3/2021	Thông qua việc thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.
12	12/2021/NQ-HĐQT	23/3/2021	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
13	13/2021/NQ-HĐQT	29/3/2021	Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14	14/2021/NQ-HĐQT	29/3/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự chủ chốt.
15	15/2021/NQ-HĐQT	31/3/2021	Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc
16	16/2021/NQ-HĐQT	14/4/2021	Thông qua việc ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP.
17	17/2021/NQ-HĐQT	19/4/2021	Thông qua việc cử - hủy người đại diện trong quan hệ cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – chi nhánh Tây Hồ.
18	18/2021/NQ-HĐQT	11/5/2021	Thông qua việc cử - hủy người đại diện trong quan hệ cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Bình Dương.
19	19/2021/NQ-HĐQT	17/5/2021	Thông qua việc đầu tư tài sản cố định và vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai
20	20/2021/NQ-HĐQT	27/5/2021	Thông qua chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.
21	21/2021/NQ-HĐQT	31/5/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
22	22/2021/NQ-HĐQT	21/6/2021	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc đã ký Hợp đồng về việc thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
23	23/2021/NQ-HĐQT	16/7/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (BIDV Tây Hồ)
24	24/2021/NQ-HĐQT	10/8/2021	Thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
25	25/2021/NQ-HĐQT	16/8/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền cho cổ đông
26	26/2021/NQ-HĐQT	16/8/2021	Thông qua phương án phát hành trái phiếu
27	27/2021/NQ-HĐQT	25/8/2021	Thông qua việc cam kết điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh
28	28/2021/NQ-HĐQT	30/9/2021	Thông qua việc phê duyệt tổng mức đầu tư dự án “Xây dựng nhà ở thương mại trong Dự án Khu dân cư Ấp 5C Thới Hòa” tại phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
29	29/2021/NQ-HĐQT	6/10/2021	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
30	30/2021/NQ-HĐQT	7/10/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
31	31/2021/NQ-HĐQT	28/10/2021	Thông qua việc ký Hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
32	32/2021/NQ-HĐQT	29/11/2021	Thông qua việc thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị; Ban hành Quy chế và Quy trình kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
33	33/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Đặc biệt với kinh nghiệm và chuyên môn trong quản lý kinh doanh và vai trò của mình trong Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành, nâng cao tính khách quan trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Với những khó khăn của dịch bệnh Covid-19 trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã luôn sát sao, kịp thời đưa ra những chỉ đạo quan trọng để Ban Tổng giám đốc ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Hiện tại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Công ty vẫn đang theo dõi thời gian tổ chức các khóa đào tạo để đăng ký tham gia và sẽ sớm bổ sung các chứng chỉ cần thiết để báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

**Ban Kiểm soát****Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	0	0	
Lê Thị Tươi	Thành viên BKS	0	0	
Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên BKS	0	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/3/2021
Đào Huỳnh Kim	Thành viên BKS	0	0	Được bầu kể từ ngày 28/3/2021

**Hoạt động của Ban kiểm soát****Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021-năm 2021, BKS đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

\*Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021.

\*Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

\*Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2021 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

\*Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

\*Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.

\* Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.

\* Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

\* Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

\* Giám sát việc thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

\* Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

### **Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:

#### **Kết quả kinh doanh Công ty mẹ**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	670.920.966.193	363.618.450.689	54,19
2	Tổng chi phí	86.389.686.776	45.959.958.060	53,20
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	69.559.709.421	37.008.953.698	53,20
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	670.920.966.193	363.618.450.689	54,19

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán*

Những kết quả trên đã khẳng định tính đúng đắn, kịp thời của các giải pháp đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời thể hiện sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

\* Báo cáo tài chính năm 2021 được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2021 của Công ty.

\* Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

**Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị tổ chức 32 phiên họp. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định.

\* Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định các chiến lược phát triển Công ty, các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.

\* Hội đồng quản trị đã triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đúng theo phương án phát hành và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

\* Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 đúng thủ tục và thời gian quy định; chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

\* Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ...

**Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác**

Trong năm 2021, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

\* Tổng giám đốc đã trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế đúng tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời các công việc được Hội đồng quản trị giao và ủy quyền.

\* Ban điều hành rất nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường cung cấp, giữ vững lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng.

\* Các người điều hành khác tăng cường công tác quản lý điều hành sát sao, quyết liệt và linh hoạt xuống mỗi phòng ban, bộ phận; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, thông suốt.

\* BKS đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc kiểm soát giá thành, cạnh tranh giá bán với các đơn vị cùng ngành thông qua việc tăng cường kiểm soát chặt chẽ các định mức, chi phí.

**Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông**

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

\* Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

\* Trong năm 2021, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Thành viên	Thù lao HDQT, BKS năm 2020	Lương bình quân tháng trong năm 2021	Thưởng bình quân tháng trong năm 2021	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Phạm Xuân Phương	130.500.000	240.000.000		
Đỗ Mạnh Cường	95.700.000	-		
Nguyễn Hải Đăng	52.200.000	-		
Nguyễn Bảo Long	87.000.000	397.500.000		
Nguyễn Quốc Thanh	52.200.000	-		
Ngô Anh Quân	52.200.000	-		
Hoàng Xuân Quang	52.200.000	-		
<b>Ban kiểm soát</b>				
Hoàng Văn Anh	87.000.000	-		
Lê Thị Tươi	87.000.000	-		
Nguyễn Thanh Hữu	43.500.000	-		
Trần Thanh Tùng	43.500.000	-		
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>				
Trương Văn Nghĩa		-		Miễn nhiệm kể từ 29/3/2021
Võ Thành Tài		274.588.343		Miễn nhiệm kể từ 1/4/2021
Phạm Huy Hậu		-		Miễn nhiệm kể từ 1/1/2021
Ngô Anh Quân		343.333.333		Bổ nhiệm kể từ 29/3/2021
Nguyễn Đức Thuận		427.020.023		Bổ nhiệm kể từ 01/2/2021
Nguyễn Thế Anh		139.487.033		Bổ nhiệm kể từ 15/01/2021
Phạm Hữu Nguyên		535.000.000		
Lê Hùng Lam		522.087.137		
Nguyễn Thị Thúy Vân		526.691.303		Bổ nhiệm kể từ 01/01/2021

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

St t	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ; Cổ đồng lớn	370092787 8 03/6/2008 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dư ơng	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	<p>Cung cấp đá xây dựng các loại * Thời điểm giao dịch: 02/01/2021; 22/05/2021</p> <p>Cung cấp đá xây dựng các loại * Thời điểm giao dịch: 20/08/2021</p> <p>Thi công hạ tầng * Thời điểm giao dịch: 01/06/2021; 06/10/2021 Phụ lục bổ sung tài khoản ngân hàng, gia hạn tiến độ thi công * Thời điểm giao dịch: 10/06/2021; 04/11/2021</p> <p>Thi công nhà ở công nhân * Thời điểm giao dịch: 24/05/2021; 24/05/2021</p> <p>Cho thuê xe * Thời điểm giao dịch: 01/06/2021; 01/11/2021</p> <p>Cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa * Thời điểm giao dịch: 04/06/2021; 15/06/2021; 15/06/2021; 25/06/2021; 09/08/2021; 21/10/2021; 18/11/2021; 07/12/2021; 17/12/2021; Các phụ lục bổ sung tài khoản ngân hàng. * Thời điểm giao dịch: 22/12/2021;</p> <p>Thi công xây dựng nhà phố thương mại * Thời điểm giao dịch: 28/10/2021; 28/10/2021</p>	Chi tiết giá trị giao dịch được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

St t	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSII*, ngày cấp, nơi cấp NSII	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con	370179972 4 27/7/2020 Sở KH và DT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 350, Tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương	Mua bán cát nghiền * Thời điểm giao dịch: 02/01/21  Mua bán đá xây dựng * Thời điểm giao dịch: 22/05/21; 24/06/21; 18/12/21	Chi tiết giá trị giao dịch được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm.
3	Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Đầu Tư Bình Dương	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	37005045 83 12/4/2021 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 265, Tờ bản đồ 41, Khu phố 3A, phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	Thi công nhà ở công nhân * Thời điểm giao dịch: 26/01/2021; 31/05/2021; 31/05/2021; 05/06/2021; 10/06/2021 Thi công hạ tầng – Khu Dân cư Đồng Sở * Thời điểm giao dịch: 06/11/2021 Mua thép các loại * Thời điểm giao dịch: 06/07/21 Hợp tác đầu tư xây dựng * Thời điểm giao dịch: 12/08/21; 12/08/21 Mua ống uPVC * Thời điểm giao dịch: 04/12/21	Chi tiết giá trị giao dịch được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm.
4	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Hà Nội	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	05005814 26 17/03/200 8 Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp Hà Nội	Số 56 phố Lý Tự Trọng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội	Thi công nhà phố thương mại * Thời điểm giao dịch: 27/01/2021; 28/01/2021 Các phụ lục phát sinh * Thời điểm giao dịch: 13/08/2021, 13/12/2021; 01/02/2021; 15/06/2021	Chi tiết giá trị giao dịch được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH  
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

172  
TY  
ÁN  
Y D  
C  
:  
BÌNH

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 5
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	6 - 7
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 39
Phụ lục	40 - 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 24/02/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Chi tiết một số thông tin tại ngày 31/12/2021:

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 09 là 1.049.999.930.000 VND (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cầu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cầu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cầu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của lĩnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây dó thị;
- Phá dỡ.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Nguyễn Báo Long	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 29/03/2021
Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/03/2021
<b>Ban kiểm soát</b>		
Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Đào Huỳnh Kim	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 28/03/2021
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 28/03/2021
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021 Miễn nhiệm ngày 01/04/2021
Ông Nguyễn Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021 Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	
Ông Phạm Hữu Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/03/2021 là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT và từ ngày 30/03/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch HĐQT.

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân được ông Nguyễn Bảo Long ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 01/03/2022.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban giám đốc**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng**

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn một số điều về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban giám đốc,



**Nguyễn Thị Thúy Vân**

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 045/2022/BCKTR-PB.00313

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 44 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Lê Viết Cường**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Đặng Ngọc Khánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2505-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>790.142.761.814</b>	<b>671.148.007.542</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>79.766.456.613</b>	<b>135.477.934.652</b>
1. Tiền	111		7.766.456.613	135.477.934.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.000.000.000	-
<b>III/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>176.232.006.344</b>	<b>169.398.723.318</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	174.783.335.999	142.437.084.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.668.821.610	45.003.903.501
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	384.197.721	2.557.160.299
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(604.348.986)	(599.424.840)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>533.402.220.710</b>	<b>345.454.991.018</b>
1. Hàng tồn kho	141		533.402.220.710	345.454.991.018
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>742.078.147</b>	<b>816.358.554</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	742.078.147	816.358.554
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>376.532.263.970</b>	<b>125.509.887.443</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>255.000.000.000</b>	-
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	155.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000.000	-
<b>III/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.284.405.179</b>	<b>19.804.453.431</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	8.975.544.110	11.153.172.152
- Nguyên giá	222		109.703.069.295	108.648.469.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.727.525.185)	(97.495.297.143)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.308.861.069	8.651.281.279
- Nguyên giá	228		13.478.567.330	13.478.567.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.169.706.261)	(4.827.286.051)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>85.880.851.200</b>	<b>86.403.186.849</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.666.500.000	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.681.851.200	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.647.500.000)	(1.125.164.351)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.367.007.591</b>	<b>19.302.247.163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	18.367.007.591	19.302.247.163
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.166.675.025.784</b>	<b>796.657.894.985</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>701.043.988.426</b>	<b>349.990.246.031</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>448.237.710.679</b>	<b>339.265.674.925</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	82.579.759.195	70.405.952.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	9.921.713.138	170.066.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	7.382.655.200	4.761.510.937
4. Phải trả người lao động	314		3.038.699.541	7.313.640.622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	10.986.697.622	8.865.225.961
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.216.050.417	1.634.107.342
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	329.486.544.295	244.809.189.776
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.196.907.983	1.042.760.347
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.428.683.288	263.221.507
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>252.806.277.747</b>	<b>10.724.571.106</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	242.055.273.973	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	10.751.003.774	10.724.571.106
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>465.631.037.358</b>	<b>446.667.648.954</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>465.631.037.358</b>	<b>446.667.648.954</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.344.945.181	1.344.945.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.106.758.756	80.143.370.362
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.097.805.058	36.635.294.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.008.953.698	43.508.075.627
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.166.675.025.784</b>	<b>796.657.894.985</b>



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy  
Người lập biểu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	340.035.235.924	402.350.743.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	64.077.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		340.035.235.924	402.286.665.568
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	269.079.241.437	308.985.667.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.955.994.487	93.300.998.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.004.841.427	4.842.665.443
7. Chi phí tài chính	22	6.4	23.616.070.667	12.467.440.111
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.445.730.908	13.169.962.467
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.058.827.788	13.319.991.275
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.900.578.958	20.161.038.269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.385.358.501	52.195.194.007
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.578.373.338	1.146.736.723
12. Chi phí khác	32		3.773.779	7.731.640
13. Lợi nhuận khác	40		2.574.599.559	1.139.005.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.959.958.060	53.334.199.090
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	8.951.004.362	9.826.123.463
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.008.953.698	43.508.075.627

(\*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy  
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45.959.958.060	53.334.199.090
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.574.648.252	3.885.351.645
- Các khoản dự phòng	03	707.840.099	649.389.785
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.004.841.427)	(4.842.665.443)
- Chi phí lãi vay	06	22.445.730.908	13.189.962.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.683.335.892	66.196.237.544
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(243.830.207.172)	(31.559.423.023)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(187.947.229.692)	(267.972.980.078)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	11.121.138.289	(14.415.183.403)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.009.519.979	(18.429.411.581)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.023.215.636)	(12.612.016.936)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(10.171.497.245)	(9.698.930.032)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.942.000)	(3.003.482.919)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(397.168.097.585)</b>	<b>(291.495.190.428)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.054.600.000)	(3.849.181.701)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(85.000.000.000)	(20.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.000.000.000	20.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.996.841.427	2.850.665.443
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>21.942.241.427</b>	<b>(998.516.258)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	592.680.164.353	498.870.574.212
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(258.002.809.834)	(339.869.221.539)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.162.976.400)	(4.841.853.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>319.514.378.119</b>	<b>354.159.499.073</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(55.711.478.039)</b>	<b>61.665.792.387</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>135.477.934.652</b>	<b>73.812.142.265</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>79.766.456.613</b>	<b>135.477.934.652</b>



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Phó-Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 24/02/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Chi tiết một số thông tin tại ngày 31/12/2021:

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 09 ngày 24/02/2022 là 1.049.999.930.000 VND (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 08 ngày 09/04/2021 là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng). Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh với thông tin.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 1.6 Cấu trúc công ty

Tại ngày 31/12/2021, cấu trúc Công ty gồm:

#### Công ty con

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	300.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### *Quyền thuê đất*

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm	03 - 08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

#### *Chi phí thiết kế sản phẩm*

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Chi phí sửa chữa*

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **4.10 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **4.12 Trái phiếu thường**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:
- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu

### 4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.16 Doanh thu và thu nhập

*Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>397.924.313</b>	<b>190.955.186</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>	<b>7.368.532.300</b>	<b>135.286.979.466</b>
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	800.942.639	112.219.609.982
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	1.246.680.547	20.740.271.200
Các Ngân hàng khác	5.320.909.114	2.327.098.284
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>72.000.000.000</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	72.000.000.000	-
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	32.000.000.000	-
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	40.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>79.766.456.613</b>	<b>135.477.934.652</b>

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất: 3,2 - 3,3%/năm.

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>32.207.846.101</b>	<b>-</b>	<b>39.980.684.609</b>	<b>-</b>
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	32.207.846.101	-	39.980.684.609	-
<b>Các bên khác</b>	<b>142.575.489.898</b>	<b>(604.348.986)</b>	<b>102.456.399.749</b>	<b>(599.424.840)</b>
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	18.421.653.580	-	17.114.829.524	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	85.099.386.536	-	66.074.059.995	-
Công ty CP Phát triển HTKT Becamex Bình Phước	24.524.396.090	-	12.977.762.560	-
Các đối tượng khác	14.530.053.692	(604.348.986)	6.289.747.670	(599.424.840)
<b>Cộng</b>	<b>174.783.335.999</b>	<b>(604.348.986)</b>	<b>142.437.084.358</b>	<b>(599.424.840)</b>

**5.3 Trả trước cho người bán****5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các bên khác</b>	<b>1.668.821.610</b>	<b>-</b>	<b>45.003.903.501</b>	<b>-</b>
Công ty CP KD BĐS và XD Nguyễn Việt	-	-	38.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhôm Kinh Đông Phương	817.502.055	-	-	-
Các đối tượng khác	851.319.555	-	7.003.903.501	-
<b>Cộng</b>	<b>1.668.821.610</b>	<b>-</b>	<b>45.003.903.501</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.3.2 Trả trước cho người bán dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>155.000.000.000</b>	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bình Dương (*)	155.000.000.000	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>155.000.000.000</b>	-	-	-

(\*) Khoản tiền ứng trước chi phí thi công theo biên bản làm việc số 01/2021/BBLV ngày 12/08/2021 giá trị 75.000.000.000 VND và biên bản làm việc số 02/2021/BBLV ngày 16/08/2021 giá trị 80.000.000.000 VND về việc thi công dự án nhà ở thương mại Định Hòa.

**5.4 Phải thu khác****5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>384.197.721</b>	-	<b>2.557.160.299</b>	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	1.992.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	11.744.000	-	11.744.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	361.717.655	-	280.000.000	-
Phải thu khác	10.736.066	-	273.416.299	-
<b>Cộng</b>	<b>384.197.721</b>	-	<b>2.557.160.299</b>	-

**5.4.2 Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>100.000.000.000</b>	-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (*)	100.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	-	-	-

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐKT/2021 ngày 15/04/2021 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại tại Khu dân cư Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị hợp đồng: 815.183.600.000 đồng (Tám trăm mười lăm tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.5 Chi phí trả trước****5.5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	520.643.612	701.899.239
Các khoản khác	221.434.535	114.459.315
<b>Cộng</b>	<b>742.078.147</b>	<b>816.358.554</b>

**5.5.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.950.007	370.176.704
Chi phí thuê đất	18.241.279.800	18.932.070.459
Chi phí khác	35.777.784	-
<b>Cộng</b>	<b>18.367.007.591</b>	<b>19.302.247.163</b>

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	100.283.494	-	100.283.494	-
Công ty TNHH TM XD Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	-	189.298.335	-
Công ty TNHH TM - DV - XD Lộc Hoàng Gia	95.089.291	-	95.089.291	-
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hùng Phát	173.194.526	-	173.194.526	-
Các công ty khác	53.869.559	7.386.219	53.869.559	12.310.365
<b>Cộng</b>	<b>611.735.205</b>	<b>7.386.219</b>	<b>611.735.205</b>	<b>12.310.365</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	599.424.840	597.114.474
Trích lập trong năm	4.924.146	12.310.366
Hoàn nhập trong năm	-	(10.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>604.348.986</b>	<b>599.424.840</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	583.899.200	-	583.899.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.251.241.990	-	7.945.532.303	-
Công cụ, dụng cụ	145.704.222	-	70.223.774	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	509.780.836.224	-	329.425.956.264	-
Thành phẩm	13.597.702.232	-	7.380.621.255	-
Hàng hoá	42.836.842	-	37.646.268	-
Hàng gửi đi bán	-	-	11.111.954	-
<b>Cộng</b>	<b>533.402.220.710</b>	<b>-</b>	<b>345.454.991.018</b>	<b>-</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang BĐS - Dự án nhà ở TM Định Hòa (*)	337.106.084.173	188.789.375.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thi công và bất động sản khác	172.674.752.051	140.636.581.264
<b>Cộng</b>	<b>509.780.836.224</b>	<b>329.425.956.264</b>

(\*) Dự án xây dựng nhà ở Thương mại tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với mục đích bán.

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền thuê đất VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2021	11.769.135.713	654.359.800	1.055.071.817	13.478.567.330
Số dư tại 31/12/2021	11.769.135.713	654.359.800	1.055.071.817	13.478.567.330
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>				
Số dư tại 01/01/2021	3.252.524.745	621.461.054	953.300.252	4.827.286.051
Khấu hao trong năm	246.858.288	11.666.664	83.895.258	342.420.210
Số dư tại 31/12/2021	3.499.383.033	633.127.718	1.037.195.510	5.169.706.261
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2021	8.516.610.968	32.898.746	101.771.565	8.651.281.279
Số dư tại 31/12/2021	8.269.752.680	21.232.082	17.876.307	8.308.861.069

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 8.269.752.680 VND, tại 01/01/2021 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 1.324.431.617 VND, tại 01/01/2021 là 1.221.291.617 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÀ</b>						
Số dư tại 01/01/2021	11.629.778.901	63.236.854.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	108.648.469.295
Mua trong năm	-	1.054.600.000	-	-	-	1.054.600.000
Số dư tại 31/12/2021	11.629.778.901	64.291.454.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	109.703.069.295
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>						
Số dư tại 01/01/2021	11.272.502.287	59.955.194.156	25.119.495.529	820.842.907	327.262.264	97.495.297.143
Khấu hao trong năm	287.966.684	1.078.851.200	1.842.799.990	6.106.251	16.503.917	3.232.228.042
Số dư tại 31/12/2021	11.560.468.971	61.034.045.356	26.962.295.519	826.949.158	343.766.181	100.727.625.185
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2021	357.276.614	3.281.660.800	7.491.624.570	6.106.251	16.503.917	11.153.172.152
Số dư tại 31/12/2021	69.309.930	3.257.409.600	5.648.824.580	-	-	8.975.544.110

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 45.031.274 VND, tại 01/01/2021 là 182.208.274 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 87.966.824.164 VND, tại 01/01/2021 là 80.929.879.989 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	31/12/2021			01/01/2021	
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý (i) VND
5.10 Đầu tư tài chính dài hạn					
5.10.1 Đầu tư góp vốn					
Đầu tư vào công ty con	13.666.500.000	-	-	60.800.851.200	(928.052.348)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	-	-	-	47.134.351.200	-
Công ty CP Đá ốp lát: An Bình	13.666.500.000	-	(i)	13.666.500.000	(928.052.348)
Đầu tư vào đơn vị khác	73.681.851.200	(1.647.500.000)	-	26.547.500.000	(197.112.003)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	92.727.720.000	-	-
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(1.647.500.000)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)
<b>Cộng</b>	<b>87.348.351.200</b>	<b>(1.647.500.000)</b>	<b>92.727.720.000</b>	<b>87.348.351.200</b>	<b>(1.125.164.351)</b>
<b>127.220.640.000</b>				<b>127.220.640.000</b>	

**Tình hình hoạt động của công ty con**

Xem thuyết minh số 1.6

**Giá trị hợp lý**

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Giao dịch với các công ty con**

Xem thuyết minh số 7.2.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

**Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP (*)	4.479.600	14,93%	14,93%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

(\*) Ngày 18/02/2021, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã hoàn thành việc chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phần BMJ và ngày 25/02/2021 Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP đã hoàn thành đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nên tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP sau đợt chào bán là 14,93%/Vốn điều lệ. Vì vậy, Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP không còn là công ty con của ACC từ ngày 25/02/2021.

**5.10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>

(\*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:

**Thông tin chi tiết về trái phiếu:**

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	93 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>1.268.620.776</b>	<b>1.268.620.776</b>	<b>4.844.698.732</b>	<b>4.844.698.732</b>
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	125.092.746	125.092.746	2.521.362.884	2.521.362.884
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.054.356.030	1.054.356.030	2.303.335.848	2.303.335.848
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	89.172.000	89.172.000	20.000.000	20.000.000
<b>Các bên khác</b>	<b>81.311.138.419</b>	<b>81.311.138.419</b>	<b>65.561.253.483</b>	<b>65.561.253.483</b>
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	5.077.606.925	5.077.606.925	3.459.168.942	3.459.168.942
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	9.311.731.300	9.311.731.300	-	-
Công Ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim)	14.191.211.600	14.191.211.600	12.296.957.400	12.296.957.400
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	2.805.158.829	2.805.158.829	5.120.827.320	5.120.827.320
Công Ty TNHH ĐT - XD - TM Minh Đức Trung	4.714.916.288	4.714.916.288	3.365.166.635	3.365.166.635
Phải trả cho các đối tượng khác	45.210.513.477	45.210.513.477	41.319.133.186	41.319.133.186
<b>Cộng</b>	<b>82.579.759.195</b>	<b>82.579.759.195</b>	<b>70.405.952.215</b>	<b>70.405.952.215</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>9.538.756.336</b>	<b>9.538.756.336</b>	-	-
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	9.538.756.336	9.538.756.336	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>382.956.802</b>	<b>382.956.802</b>	<b>170.066.218</b>	<b>170.066.218</b>
Các đối tượng khác	382.956.802	382.956.802	170.066.218	170.066.218
<b>Cộng</b>	<b>9.921.713.138</b>	<b>9.921.713.138</b>	<b>170.066.218</b>	<b>170.066.218</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>1.216.050.417</b>	<b>1.216.050.417</b>	<b>1.634.107.342</b>	<b>1.634.107.342</b>
Kinh phí công đoạn	63.867.164	63.867.164	67.082.476	67.082.476
Phải trả khác	1.152.183.253	1.152.183.253	1.567.024.866	1.567.024.866
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	368.209.116	368.209.116	325.578.290	325.578.290
Phải trả về cổ tức	30.313.000	30.313.000	193.289.400	193.289.400
Các khoản khác	753.661.137	753.661.137	1.048.157.176	1.048.157.176
<b>Cộng</b>	<b>1.216.050.417</b>	<b>1.216.050.417</b>	<b>1.634.107.342</b>	<b>1.634.107.342</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí dịch vụ và thi công	1.248.203.136	8.132.249.438
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng trích trước	397.375.550	300.000.000
Chi phí trích trước lãi vay và lãi trái phiếu	3.655.491.795	232.976.523
Chi phí trích trước lãi trái phiếu được vốn hóa	5.474.827.141	-
Các khoản khác	210.800.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.986.697.622</b>	<b>8.865.225.961</b>

**5.15 Dự phòng phải trả****5.15.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.196.907.983	1.042.760.347
<b>Cộng</b>	<b>1.196.907.983</b>	<b>1.042.760.347</b>

**5.15.2 Dự phòng phải trả dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.751.003.774	10.724.571.106
<b>Cộng</b>	<b>10.751.003.774</b>	<b>10.724.571.106</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế GTGT	-	4.896.639.675	1.272.034.199	5.124.503.391	-	844.170.483
Thuế TNDN	-	2.612.482.732	10.171.487.245	8.951.004.362	-	3.832.975.815
Thuế TNCN	-	73.532.783	1.417.007.353	1.406.175.307	-	84.364.839
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>7.382.655.200</b>	<b>12.863.538.797</b>	<b>15.484.683.060</b>	-	<b>4.761.510.937</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay của các tổ chức tín dụng	329.486.544.295	329.486.544.295	339.880.164.353	254.002.809.834	244.809.189.776	244.809.189.776
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (i)	137.284.726.078	137.284.726.078	136.952.090.829	67.525.675.930	67.858.311.379	67.858.311.379
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (ii)	112.523.903.610	112.523.903.610	122.050.159.117	111.586.292.183	102.060.036.676	102.060.036.676
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	77.282.274.607	77.282.274.607	77.282.274.607	74.890.841.721	74.890.841.721	74.890.841.721
Ngân hàng CSXH - PGD thị xã Bến Cát	2.395.640.000	2.395.640.000	2.395.640.000	-	-	-
Vay của tổ chức khác	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>329.486.544.295</b>	<b>329.486.544.295</b>	<b>342.680.164.353</b>	<b>258.002.809.834</b>	<b>244.809.189.776</b>	<b>244.809.189.776</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Trái phiếu phát hành (tỷ)</i>						
- Mệnh giá	242.055.273.973	242.055.273.973	240.350.000.000	(1.705.273.973)	-	-
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-
Phạm Thanh Thủy	214.486.000.000	214.486.000.000	214.486.000.000	-	-	-
Các cá nhân khác	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
- Chi phí phát hành	5.514.000.000	5.514.000.000	5.514.000.000	-	-	-
	(7.944.728.027)	(7.944.728.027)	(9.650.000.000)	(1.705.273.973)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>242.055.273.973</b>	<b>242.055.273.973</b>	<b>240.350.000.000</b>	<b>(1.705.273.973)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**(i) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2021-HĐCVHIM/NHCT680-ACC ngày 21/05/2021:**

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Theo từng Giấy nhận nợ và dưới 12 tháng;
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hằng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ký 15/03/2021.
- Theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

**(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/245715/HĐTD ngày 28/07/2021:**

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng;
- Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; ngân hàng không cấp tín dụng để Khách hàng cấu tư tài chính và kinh doanh Bất động sản;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
Lô D\_3\_CN, Đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
  - Thời gian trả lãi: Ngày 25 hàng tháng;
  - Điện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/245719/HBBĐ ngày 25/12/2019 giữa, số công chứng 014559, quyển số 014559, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.
- (iii) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1800-LAV-210044149 ngày 31/05/2021:
- Hạn mức vay: 90.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
  - Thời gian cấp hạn mức: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng;
  - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
  - Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
  - Biện pháp bảo đảm:
    - Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 075011, số vào sổ GCN: CT 03506 do UBND tỉnh Bình Dương ủy quyền Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/2012 tại KCN Mỹ Phước 1 phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bé tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

(iv) Thông tin trái phiếu phát hành:

- Mã trái phiếu: ACCH2123001;
- Bên mua trái phiếu: Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các cá nhân;
- Mục đích phát hành: Đầu tư xây dựng dự án Bất động sản;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Tổng chi phí phát hành: 9.650.000.000 VND;
- Lãi suất 10,2%/năm, lãi được trả 06 tháng/lần;
- Thời điểm phát hành: 25/08/2021, Kỳ hạn gốc: 2 năm, Kỳ hạn còn lại: 20 tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất tại Bình Dương và Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, và các cá nhân, tổ chức khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh, Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.527.143.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>56.123.821.471</b>	<b>41.639.681.855</b>	<b>208.346.158.457</b>
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	(182.198.000)	-	-	-	199.817.802.000
Lãi trong trong năm	-	-	-	-	43.508.075.627	43.508.075.627
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	(4.387.130)	(4.387.130)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.344.945.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>56.123.821.471</b>	<b>80.143.370.352</b>	<b>446.667.648.954</b>
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.344.945.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>56.123.821.471</b>	<b>80.143.370.352</b>	<b>446.667.648.954</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	37.008.953.698	37.008.953.698
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	(2.175.403.781)	(2.175.403.781)
Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(870.161.513)	(870.161.513)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.344.945.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>56.123.821.471</b>	<b>99.106.758.756</b>	<b>465.631.037.358</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 28/03/2021 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.175.403.781	5.844.128.316
Trích quỹ thù lao, thưởng ban quản lý điều hành	870.161.513	194.804.277
Chia cổ tức	15.000.000.000	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>18.045.565.294</b>	<b>11.038.932.593</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	7.470.000	74.700.000.000	24,90%	7.470.000	74.700.000.000	24,90%
Ông Hoàng Xuân Quang	7.240.000	72.400.000.000	24,13%	7.240.000	72.400.000.000	24,13%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	7.100.112	71.001.120.000	23,67%	7.100.112	71.001.120.000	23,67%
Pyri Elite Fund (Non - Ucits)	2.997.600	29.976.000.000	9,99%	2.997.600	29.976.000.000	9,99%
Các cổ đông khác	5.192.288	51.922.880.000	17,31%	5.192.288	51.922.880.000	17,31%
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	200.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

### Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	64.677.000.792	109.229.916.681
Doanh thu thi công công trình	258.965.449.522	283.178.880.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	16.392.785.610	9.941.946.089
<b>Cộng</b>	<b>340.035.235.924</b>	<b>402.350.743.368</b>

##### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	22.690.713.110	41.068.916.423
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	-	7.822.162.361
<b>Cộng</b>	<b>22.690.713.110</b>	<b>48.891.078.784</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	45.860.337.618	72.521.972.995
Giá vốn của thi công công trình	209.025.542.184	227.688.937.423
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	14.193.361.635	8.774.756.931
<b>Cộng</b>	<b>269.079.241.437</b>	<b>308.985.667.349</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	846.641.427	610.865.443
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.239.800.000	4.231.800.000
Thu từ nhượng quyền mua cổ phiếu	17.918.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.004.841.427</b>	<b>4.842.665.443</b>

#### 6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	22.445.730.908	13.169.962.467
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	1.450.387.997	-
Chi phí phát hành trái phiếu	648.004.110	-
Hoàn nhập trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(928.052.348)	(702.522.356)
<b>Cộng</b>	<b>23.616.070.667</b>	<b>12.467.440.111</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Chi phí bán hàng	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	2.066.399.105	2.937.012.480
Chi phí vật liệu, bao bì	81.712.670	99.059.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.656.281.171	10.076.099.802
Các khoản chi phí bán hàng khác	254.434.842	207.819.293
<b>Cộng</b>	<b>9.058.827.788</b>	<b>13.319.991.275</b>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.023.703.400	11.158.671.006
Chi phí khấu hao TSCĐ	768.777.613	834.290.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.529.674.377	3.456.945.758
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.573.499.422	4.711.131.286
<b>Cộng</b>	<b>15.900.578.958</b>	<b>20.161.038.269</b>
6.7 Thu nhập khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoàn nhập trích lập dự phòng bảo hành công trình	2.578.351.772	1.123.448.399
Các khoản khác	21.566	23.288.324
<b>Cộng</b>	<b>2.578.373.338</b>	<b>1.146.736.723</b>
6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.959.958.060	53.334.199.090
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.034.863.755	28.218.227
Các khoản điều chỉnh tăng	1.034.863.755	28.218.227
Các khoản chi phí không được trừ	1.034.863.755	28.218.227
Thu nhập được miễn thuế (*)	(2.239.800.000)	(4.231.800.000)
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Hoạt động kinh doanh khác	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	44.765.021.815	49.130.617.317
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	8.951.004.362	9.826.123.463
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.951.004.362</b>	<b>9.826.123.463</b>

(\*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.473.988.501	188.253.812.889
Chi phí nhân công	40.137.079.062	42.818.066.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.574.648.252	3.885.351.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.474.850.093	91.020.071.510
Chi phí khác bằng tiền	2.490.570.252	2.292.918.027
<b>Cộng</b>	<b>316.151.136.160</b>	<b>328.270.220.459</b>

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

### 7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	Cổ đông lớn Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thành viên Ban kiểm soát
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Cùng người đại diện theo pháp luật. Công ty con

#### 7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- a. Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm được trình bày tại phụ lục số 1.*

- b. Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty CP Đá ốp lát An Bình</b>		
Mua đá thành phẩm	66.032.022	1.605.485.400
Mua cát nghiền	2.654.679.660	2.923.715.760
Thanh toán liền mua hàng	4.241.762.668	-
Tạm ứng mua đá	1.034.017.600	-
Nhận hoàn ứng mua đá	1.034.017.600	14.958.904
Nhận tiền vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Trả tiền vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Thanh toán lãi vay	42.476.712	14.958.904
<b>Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP</b>		
Nhận tiền cổ tức	2.239.800.000	2.239.800.000
Thanh toán	-	15.315.809.137
Cho mượn dầu	-	1.043.533.891
Nhận lại dầu	272.682.698	707.261.060
Thuê xe thi công	468.181.816	-
Thanh toán tiền mua đá và mua công	11.400.086.842	8.604.378.597
Nhận tạm ứng tiền thi công	9.538.756.336	-
Tạm ứng mua đá và thi công	18.367.327.400	-
Nhận lại hoàn ứng tiền mua đá và thi công	10.765.037.600	-
<b>Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương</b>		
Ứng trước tiền thi công	155.000.000.000	-
Nhập kho sắt và ống uPVC	263.058.300	-
Trả tiền thuê xe cầu và mua sắt	460.192.130	-
Cung cấp dịch vụ thi công và bán thành phẩm	22.690.713.110	41.068.916.423
Thuê cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	218.181.816	254.795.452
Thuê xe cước bán	-	98.872.780
Thu tiền góp vốn	-	49.800.000.000
<b>Pyn Elite Fund (Non - Ucits)</b>		
Nhận tiền góp vốn	-	19.984.000.000
<b>Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Cổ tức	-	1.992.000.000
Nhận tiền cổ tức	1.992.000.000	-

### 7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

### 7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

#### 7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bổ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

### 7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bổ phận theo khu vực địa lý.

### 7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

### 7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 23/12/2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty đã thực hiện chào bán thêm theo đúng thời hạn và ngày 15/02/2022 đã kết thúc đợt chào bán cổ phiếu. Sau đợt chào bán này, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 749.999.930.000 đồng và số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng thêm 74.999.993 cổ phiếu. Tại ngày 24/02/2022, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 09 với tổng số vốn điều lệ là: 1.049.999.930.000 VND.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Thông tin tiền lương, tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thông tin về tiền lương, tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	Năm 2021				Năm 2020				
	Tiền lương	Tiền thưởng	Tiền thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Tiền thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Tiền thù lao
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.209.284.294</b>	-	<b>469.800.000</b>	<b>866.410.000</b>	<b>152.064.500</b>	<b>451.000.000</b>			
Phạm Xuân Phương	240.000.000	-	130.500.000	560.000.000	61.000.000	101.000.000			
Nguyễn Bảo Long	397.500.000	-	87.000.000	-	-	-			
Nguyễn Xuân Cường	385.614.978	-	-	-	-	-			
Trương Văn Thân	186.169.316	-	-	-	-	-			
Nguyễn Đình Trường	-	-	-	-	-	101.000.000			
Đỗ Mạnh Cường	-	-	96.700.000	-	-	93.500.000			
Nguyễn Hải Đăng	-	-	52.200.000	-	-	93.500.000			
Hoàng Xuân Quang	-	-	52.200.000	245.000.000	53.500.000	62.000.000			
Nguyễn Quốc Thành	-	-	52.200.000	81.410.000	37.564.500	-			
<b>Ban Kiểm soát</b>	-	-	<b>261.000.000</b>	-	-	<b>234.000.000</b>			
Hoàng Văn Anh	-	-	87.000.000	-	-	78.000.000			
Lê Thị Tươi	-	-	87.000.000	-	-	78.000.000			
Trần Thanh Tùng	-	-	43.500.000	-	-	78.000.000			
Nguyễn Thanh Hữu	-	-	43.500.000	-	-	-			
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>2.768.207.172</b>	-	<b>52.200.000</b>	<b>2.320.952.216</b>	<b>189.550.097</b>	-			
Võ Thanh Tài	274.588.343	-	-	393.866.970	1.000.000	-			
Ngô Anh Quân	343.333.333	-	52.200.000	-	-	-			
Nguyễn Hồng Tuyền	-	-	-	-	-	-			
Nguyễn Thị Thủy Vân	526.691.303	-	-	312.554.067	48.255.582	-			
Phạm Hữu Nguyễn	535.000.000	-	-	389.138.259	38.099.333	-			
Lê Hùng Lam	522.087.137	-	-	344.311.052	1.000.000	-			
Nguyễn Trné Anh	139.487.033	-	-	30.857.778	24.058.264	-			
Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-	-			
Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-	-			
Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-	-			
P.TGD	-	-	-	-	-	-			
P.TGD	-	-	-	-	-	-			
P.TGD	-	-	-	-	-	-			
P.TGD	-	-	-	-	-	-			



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, Đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	64.677.000.792	258.965.449.522	16.392.785.610	-	340.035.235.924
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.677.000.792</b>	<b>258.965.449.522</b>	<b>16.392.785.610</b>	-	<b>340.035.235.924</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	45.860.337.618	209.025.542.184	14.193.361.635	-	70.955.994.487
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	18.816.663.174	49.939.907.338	2.199.423.975	-	(24.959.406.746)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					45.996.587.741
Doanh thu hoạt động tài chính					21.004.841.427
Chi phí tài chính					(23.616.070.667)
Thu nhập khác					2.578.373.338
Chi phí khác					(3.773.779)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(8.951.004.362)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>37.008.953.698</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	1.054.600.000	-	-	1,054,600,000
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	1,348,418,419	2,615,245,504	-	-	3,963,663,923
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-	-



ACC - BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	109.166.192.881	283.178.880.598	9.941.592.089	-	402.286.665.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>109.166.192.881</b>	<b>283.178.880.598</b>	<b>9.941.592.089</b>	-	<b>402.286.665.568</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.644.213.886	55.489.943.175	1.166.835.158	-	93.300.998.219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(33.481.029.544)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					59.819.968.675
Doanh thu hoạt động tài chính					4.842.665.443
Chi phí tài chính					(12.467.440.111)
Thu nhập khác					1.146.736.723
Chi phí khác					(7.731.640)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.826.123.463)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>43.508.075.627</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>9.742.014.852</b>	<b>12.335.611.399</b>	-	-	<b>22.077.626.251</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.578.404.057</b>	<b>2.983.235.297</b>	-	-	<b>4.561.639.354</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	41.755.320.654	357.482.857.395	3.565.068.373	-	-	402.803.246.422
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						763.871.779.362
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.166.675.025.784</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.562.725.812	72.238.131.337	-	-	-	74.800.857.149
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						626.243.131.277
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>701.043.988.426</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.325.150.494	515.249.901.036	37.946.268	-	-	566.612.697.798
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						230.045.197.187
<b>Tổng tài sản</b>						<b>796.657.894.985</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.217.865.795	65.984.880.715	44.782.214	-	-	84.247.528.724
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						265.742.717.307
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>349.990.246.031</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH  
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



12/30/21

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 5
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	6 - 7
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 24/02/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Chi tiết một số thông tin tại ngày 31/12/2021:

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 09 là 1.049.999.930.000 đồng (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cầu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trống cổ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại, bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cầu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cầu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hòa chất báng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm lái chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 29/03/2021
Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/03/2021

#### **Ban kiểm soát**

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Đào Huỳnh Kim	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 28/03/2021
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 28/03/2021

#### **Ban Giám đốc**

Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021 Miễn nhiệm ngày 01/04/2021
Ông Nguyễn Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021 Miễn nhiệm ngày 29/03/2021
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/01/2021
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2021
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	
Ông Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/03/2021 là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT và từ ngày 30/03/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch HĐQT.

Bà Nguyễn Thị Thủy Vân được ông Nguyễn Bảo Long ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 01/03/2022.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn một số điều về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban giám đốc,



Nguyễn Thị Thúy Vân

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Số: 045/2022/BCKTHN-PB.00313

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lô Việt Cường

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Đặng Ngọc Khánh

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2505-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>809.245.653.379</b>	<b>775.864.157.767</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>92.114.784.125</b>	<b>204.718.811.131</b>
1. Tiền	111		20.114.784.125	144.718.811.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.000.000.000	60.000.000.000
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>179.508.841.357</b>	<b>214.726.648.378</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	176.159.016.809	166.033.593.937
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.309.185.244	46.428.830.059
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	644.988.290	2.863.649.222
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(604.348.986)	(599.424.840)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>536.798.531.534</b>	<b>354.272.987.345</b>
1. Hàng tồn kho	141		536.859.898.873	354.334.354.684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(61.367.339)	(61.367.339)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>823.496.363</b>	<b>2.145.710.913</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	764.632.693	2.073.283.490
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	13.563.753
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	58.863.670	58.863.670
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>366.317.372.222</b>	<b>137.140.110.135</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>255.000.000.000</b>	<b>3.011.263.927</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	155.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000.000	3.011.263.927
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.720.342.432</b>	<b>74.289.604.977</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.411.481.363	24.440.418.604
- Nguyên giá	222		128.252.138.424	175.428.166.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.840.657.061)	(150.987.747.741)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	8.308.861.069	49.829.186.373
- Nguyên giá	228		13.538.067.330	57.651.069.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.229.206.261)	(7.821.882.961)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	<b>8.583.892.372</b>
- Nguyên giá	231		-	8.583.892.372
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>72.214.351.200</b>	<b>26.530.387.997</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.681.851.200	26.547.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.647.500.000)	(197.112.003)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.382.678.590</b>	<b>24.744.960.862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	18.367.007.591	24.363.339.205
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15.670.999	381.621.657
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.175.563.025.601</b>	<b>913.004.267.902</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>700.477.035.724</b>	<b>406.277.692.502</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>447.670.757.977</b>	<b>364.901.245.748</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	81.676.117.197	74.983.120.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	9.951.429.374	446.985.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	7.417.719.624	9.025.929.270
4. Phải trả người lao động	314		3.138.802.451	8.359.044.819
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	11.121.180.690	22.083.936.554
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.226.853.075	2.304.032.991
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	329.513.064.295	244.809.189.776
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.196.907.983	1.042.768.347
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.428.683.288	1.846.246.289
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>252.806.277.747</b>	<b>41.376.446.754</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.14	-	27.455.001.251
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	242.055.273.973	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	185.610.470
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	10.751.003.774	13.735.835.033
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>475.085.989.877</b>	<b>506.726.575.400</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>475.085.989.877</b>	<b>506.726.575.400</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.344.945.181	1.344.945.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.310.978.987	62.760.793.287
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.100.899.151	99.769.035.810
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61.495.853.072	43.695.281.864
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.605.046.079	56.073.753.946
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.273.654.608	33.796.289.172
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.175.563.025.601</b>	<b>913.004.267.902</b>



Nguyễn Thị Thủy Vân  
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy  
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	352.999.336.076	484.924.186.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	64.077.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		352.999.336.076	484.860.108.810
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	280.016.502.794	351.892.258.791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.982.833.282	132.967.850.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.022.450.083	2.835.628.784
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.501.646.303	13.155.003.563
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.403.254.196	13.155.003.563
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.090.607.747	15.581.745.190
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	16.889.580.038	29.649.624.789
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.523.449.277	77.417.105.261
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.743.123.706	1.658.505.574
13. Chi phí khác	32	6.8	3.776.839	273.747.439
14. Lợi nhuận khác	40		3.739.346.867	1.384.758.135
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.262.796.144	78.801.863.396
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	8.951.004.362	13.350.764.002
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(185.610.470)	420.478.748
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.497.402.252	65.030.620.646
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		37.605.046.079	59.315.566.214
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		892.356.173	5.715.054.432
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.189	5.283
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	340	5.283



Nguyễn Thị Thủy Vân  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy  
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	MS	Năm 2021	Đơn vị tính: VND Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.262.796.144	78.801.863.396
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.429.679.807	9.133.588.071
- Các khoản dự phòng	03	1.635.892.447	2.319.603.668
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.022.450.083)	(2.973.317.233)
- Chi phí lãi vay	06	22.403.254.196	13.147.237.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.709.172.511	100.428.975.369
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(248.725.941.996)	(23.633.129.577)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(188.426.798.051)	(417.478.362.521)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(47.918.307.424)	120.806.837.263
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.037.459.739	(21.113.377.288)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.980.738.924)	(12.612.016.936)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(10.171.497.245)	(13.206.931.514)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.942.000)	(4.677.250.594)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(457.486.593.390)</b>	<b>(271.485.255.798)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.054.600.000)	(10.173.243.974)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.381.818.182	160.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(85.000.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.000.000.000	24.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.014.450.083	754.218.853
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>25.341.668.265</b>	<b>(9.259.025.121)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	588.706.084.353	494.870.574.212
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(254.002.809.834)	(336.869.221.539)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.162.976.400)	(5.574.551.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>319.640.898.119</b>	<b>353.426.801.573</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(112.604.027.006)</b>	<b>72.682.520.654</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>204.710.811.131</b>	<b>132.036.290.477</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>92.114.784.125</b>	<b>204.710.811.131</b>



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 24/02/2022 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Chi tiết một số thông tin tại ngày 31/12/2021:

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 09 là 1.049.999.930.000 đồng (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 08 ngày 09/04/2021 là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng). Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Khai thác khoáng sản.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1.6 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2021, cấu trúc Công ty gồm:

**Công ty con**

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	60,00

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	300.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng	14,93
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá	12,45
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700609408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng	10,98

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

#### Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

#### Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con) được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.

Các số dư giữa các công ty trong cùng lập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định lin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

#### *Quyền thuê đất*

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05
Phần mềm hóa đơn điện tử	03

### **Chi phí thiết kế sản phẩm**

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Các chi phí trả trước khác bao gồm: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

- Dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.
- Dự phòng về chi phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng đang được Công ty trích theo số tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương. Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường thì khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.12 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:
- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu

### 4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

### 4.15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.16. Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	610.049.682	579.630.718
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.504.734.443	144.139.180.413
Các khoản tương đương tiền	72.000.000.000	60.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	72.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.114.784.125</b>	<b>204.718.811.131</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất ngân hàng từ 3,2 - 3,3%/năm.

### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>32.226.895.399</b>	-	<b>39.980.684.609</b>	-
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	32.207.846.101	-	39.980.684.609	-
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	19.049.298	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>143.932.121.410</b>	<b>(604.348.986)</b>	<b>126.052.909.328</b>	<b>(599.424.840)</b>
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	18.421.653.580	-	17.114.829.524	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	85.099.386.536	-	74.945.240.249	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	24.524.396.090	-	12.977.762.560	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.886.685.204	(604.348.986)	21.015.076.995	(599.424.840)
<b>Cộng</b>	<b>176.159.016.809</b>	<b>(604.348.986)</b>	<b>166.033.593.937</b>	<b>(599.424.840)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

#### 5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>1.640.363.634</b>	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	1.640.363.634	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>1.668.821.610</b>	-	<b>46.428.830.059</b>	-
Công ty CP KD BĐS và XD Nguyễn Việt	-	-	38.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhóm Kinh Đông Phương	817.502.055	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	851.319.555	-	8.428.830.059	-
<b>Cộng</b>	<b>3.309.185.244</b>	-	<b>46.428.830.059</b>	-

#### 5.3.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>155.000.000.000</b>	-	-	-
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương (*)	155.000.000.000	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>155.000.000.000</b>	-	-	-

(\*) Khoản tiền ứng trước chi phí thi công theo biên bản làm việc số 01/2021/BBLV ngày 12/08/2021 giá trị 75.000.000.000 VND và biên bản làm việc số 02/2021/BBLV ngày 16/08/2021 giá trị 80.000.000.000 VND về việc thi công dự án nhà ở thương mại Định Hòa.

### 5.4 Phải thu khác

#### 5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>644.988.290</b>	-	<b>2.863.649.222</b>	-
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.992.000.000	-
Kỳ quỹ, kỳ cước	11.744.000	-	11.744.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	361.717.655	-	287.700.000	-
Phải thu lãi tiền kỳ quỹ phục hồi môi trường	-	-	570.384.846	-
Phải thu khác	271.526.635	-	1.820.376	-
<b>Cộng</b>	<b>644.988.290</b>	-	<b>2.863.649.222</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.4.2 Phái thu dài hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	100.000.000.000	-	3.011.263.927	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	3.011.263.927	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (*)	100.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.011.263.927</b>	<b>-</b>

(\*\*) Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐKT/2021 ngày 15/04/2021 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở thương mại tại Khu dân cư Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị hợp đồng: 815.183.600.000 đồng (Tám trăm mười lăm tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng).

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy Lợi Bình Dương	100.283.494	(100.283.494)	100.283.494	(100.283.494)
Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Cầu Đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương Mại-Dịch vụ-Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tàn Hùng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
Các đối tượng khác	53.869.205	(46.483.340)	53.869.205	(41.559.194)
<b>Cộng</b>	<b>611.734.851</b>	<b>(604.348.986)</b>	<b>611.734.851</b>	<b>(599.424.840)</b>

**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	599.424.840	597.114.474
Trích lập trong năm	4.924.146	2.310.366
Hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>604.348.986</b>	<b>599.424.840</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	583.899.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.509.871.530	-	8.436.477.342	-
Công cụ, dụng cụ	145.704.222	-	735.920.826	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	510.356.922.137	-	329.925.680.224	-
Thành phẩm	16.804.564.142	(61.367.339)	10.485.879.130	(61.367.339)
Hàng hoá	42.836.842	-	4.153.386.008	-
Hàng gửi đi bán	-	-	11.111.954	-
<b>Cộng</b>	<b>536.859.898.873</b>	<b>(61.367.339)</b>	<b>354.334.354.684</b>	<b>(61.367.339)</b>

### Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án nhà ở thương mại Định Hòa (*)	337.106.084.173	188.789.375.000
Chi phí sản xuất thi công thành phẩm đá, cát	576.085.913	499.723.960
Chi phí sản xuất thi công dở dang	172.674.752.051	140.836.581.264
<b>Cộng</b>	<b>510.356.922.137</b>	<b>329.925.680.224</b>

(\*) Dự án xây dựng nhà ở Thương mại tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với mục đích bán.

### 5.7 Chi phí trả trước

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vô xe	-	50.868.173
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	543.198.168	1.186.965.211
Các khoản khác	221.434.535	835.450.106
<b>Cộng</b>	<b>764.632.693</b>	<b>2.073.283.490</b>

#### 5.7.2 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.950.007	370.176.704
Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá	-	1.933.515.418
Chi phí sửa chữa	-	643.752.664
Chi phí thuê đất	18.241.279.800	18.932.070.459
Các khoản khác	35.777.784	2.483.823.960
<b>Cộng</b>	<b>18.367.007.591</b>	<b>24.363.339.205</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2021	23.912.790.935	103.482.707.668	46.679.887.403	1.009.014.158	343.766.181	175.428.166.345
Mua trong năm	-	1.054.800.000	-	-	-	1.054.800.000
Giảm khác (*)	(4.915.241.668)	(27.361.534.858)	(12.747.604.576)	(182.085.000)	-	(45.206.446.102)
Số dư tại 31/12/2021	18.997.549.267	74.151.590.991	33.932.282.827	826.949.158	343.766.181	128.252.138.424
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>						
Số dư tại 01/01/2021	22.035.480.928	90.523.279.881	37.148.926.391	952.798.277	327.262.264	150.987.747.741
Khấu hao trong năm	668.730.151	2.415.738.566	1.980.190.712	6.108.251	16.503.917	5.087.259.597
Giảm khác (*)	(4.439.178.084)	(23.652.066.593)	(11.204.036.296)	(131.955.370)	-	(39.427.236.343)
Số dư tại 31/12/2021	18.265.032.995	68.479.837.920	27.925.070.807	826.949.158	343.766.181	115.840.657.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2021	1.877.310.007	12.959.427.787	9.530.961.012	56.215.881	16.503.917	24.440.418.604
Số dư tại 31/12/2021	732.516.272	5.674.753.071	6.007.212.020	-	-	12.411.481.353

(\*) Do thoái vốn đầu tư Công ty CP Khoáng sản Miền đông ÁHP.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 45.031.274 VNĐ, tại 01/01/2021 là 4.016.122.645 VNĐ.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 99.646.035.377 VNĐ, tại 01/01/2021 là 111.822.843.690 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền thuê đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2020	11.769.135.713	43.928.002.004	896.859.800	1.055.071.817	57.651.069.334
Giảm khác (*)	-	(43.928.002.004)	(185.000.000)	-	(44.113.002.004)
Số dư tại 31/12/2020	11.769.135.713	-	713.859.800	1.055.071.817	13.538.067.330
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư tại 01/01/2020	3.252.524.745	2.802.256.655	813.801.309	953.300.252	7.821.882.961
Khấu hao trong năm	246.858.286	-	11.656.664	83.895.258	342.420.210
Giảm khác (*)	-	(2.802.256.655)	(132.840.255)	-	(2.935.096.910)
Số dư tại 31/12/2020	3.499.383.033	-	692.627.718	1.037.195.510	5.229.206.261
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2020	8.516.610.968	41.125.745.349	85.058.491	101.771.565	49.829.186.373
Số dư tại 31/12/2020	8.269.752.680	-	21.232.082	17.876.307	8.308.861.069

(\*) Do thoái vốn đầu tư Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP.

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 8.269.752.680 VND, tại 01/01/2021 là 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 1.383.931.617 VND, tại 01/01/2021 là 1.162.200.708 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lê D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5.10 Đầu tư tài chính

#### 5.10.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>73.681.851.200</b>	<b>(1.647.500.000)</b>	<b>26.547.500.000</b>	<b>(197.112.003)</b>
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	24.900.000.000	-
Công ty CP XD Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(1.647.500.000)	1.647.500.000	(197.112.003)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>73.681.851.200</b>	<b>(1.647.500.000)</b>	<b>26.547.500.000</b>	<b>(197.112.003)</b>

#### Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu %	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	2.490.000	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	85.670	10,98%
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP (*)	4.479.600	14,93%	-	-

(\*) Ngày 18/02/2021, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã hoàn thành việc chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phần của Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP (mã chứng khoán: BMJ) và ngày 25/02/2021, BMJ đã hoàn thành đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nên tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP không còn là công ty con của ACC từ ngày 25/02/2021.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5.10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Dài hạn</i>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>

(\*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành:

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	93 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

### 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>214.264.746</b>	<b>214.264.746</b>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	125.092.746	125.092.746	-	-
Công ty CP KD và Đầu tư Bình Dương	89.172.000	89.172.000	20.000.000	20.000.000
<i>Các bên khác</i>	<b>81.461.852.451</b>	<b>81.461.852.451</b>	<b>74.963.120.297</b>	<b>74.963.120.297</b>
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thánh	5.077.606.925	5.077.606.925	3.459.168.942	3.459.168.942
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	9.311.731.300	9.311.731.300	-	-
Công ty CP Thương mại Dầu khí	14.191.211.600	14.191.211.600	12.296.957.400	12.296.957.400
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	2.805.158.829	2.805.158.829	5.120.827.320	5.120.827.320
Công ty TNHH ĐT - XD - TM Minh Đức	4.714.916.288	4.714.916.288	3.365.166.635	3.365.166.635
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	1.342.177.734	1.342.177.734	4.847.948.398	4.847.948.398
Phải trả cho các đối tương khác	44.019.049.775	44.019.049.775	45.873.051.602	45.873.051.602
<b>Cộng</b>	<b>81.676.117.197</b>	<b>81.676.117.197</b>	<b>74.983.120.297</b>	<b>74.983.120.297</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	<b>9.538.756.336</b>	<b>9.538.756.336</b>	-	-
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	9.538.756.336	9.538.756.336	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>412.673.038</b>	<b>412.673.038</b>	<b>446.985.405</b>	<b>446.985.405</b>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hồ Long	-	-	-	-
Các đối tượng khác	412.673.038	412.673.038	446.985.405	446.985.405
<b>Cộng</b>	<b>9.951.429.374</b>	<b>9.951.429.374</b>	<b>446.985.405</b>	<b>446.985.405</b>

### 5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng	397.375.550	300.000.000
Trích trước chi phí thi công và dịch vụ	1.248.203.136	8.132.249.438
Trích trước chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	3.655.491.795	232.976.523
Trích trước chi phí lãi trái phiếu được vốn hóa	5.474.827.141	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	11.574.041.680
Chi phí trích trước khác	345.283.068	1.844.668.913
<b>Cộng</b>	<b>11.121.180.690</b>	<b>22.083.936.554</b>

### 5.14 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	<b>1.226.853.075</b>	<b>1.226.853.075</b>	<b>2.304.032.991</b>	<b>2.304.032.991</b>
Kinh phí công đoàn	69.699.124	69.699.124	79.937.572	79.937.572
Bảo hiểm xã hội	4.044.713	4.044.713	-	-
Bảo hiểm y tế	555.591	555.591	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	370.394	370.394	-	-
Phải trả khác	1.152.183.253	1.152.183.253	2.224.095.419	2.224.095.419
<i>Phải trả liên bảo đảm hợp đồng</i>	-	-	<b>608.774.185</b>	<b>608.774.185</b>
<i>Phải trả về cổ tức</i>	<b>30.313.000</b>	<b>30.313.000</b>	<b>193.289.400</b>	<b>193.289.400</b>
Thù lao HDQT	-	-	-	-
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	368.209.116	368.209.116	325.578.290	325.578.290
Phải trả khác	753.661.137	753.661.137	1.096.453.544	1.096.453.544
<b>Cộng</b>	<b>1.226.853.075</b>	<b>1.226.853.075</b>	<b>2.304.032.991</b>	<b>2.304.032.991</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15 Dự phòng phải trả

5.15.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.196.907.983	1.042.760.347
<b>Cộng</b>	<b>1.196.907.983</b>	<b>1.042.760.347</b>

5.15.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.751.003.774	10.724.571.106
Dự phòng khôi phục môi trường rừng	-	3.011.263.927
<b>Cộng</b>	<b>10.751.003.774</b>	<b>13.735.835.033</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số phải thu cuối năm VND		Số phải nộp cuối năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		Số phải nộp trong năm (*) VND		Số phải thu đầu năm VND		Số phải nộp đầu năm VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	4.724.356.718	2.047.577.624	2.047.577.624	4.954.303.752	-	1.817.630.590					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.863.670	2.612.482.732	10.171.497.245	8.034.424.108	8.034.424.108	58.863.670	4.749.555.869					
Thuế thu nhập cá nhân	-	80.880.174	1.439.931.959	1.377.193.398	1.377.193.398	-	143.618.795					
Thuế tài nguyên	-	-	2.760.000	(2.105.776.626)	(2.105.776.626)	-	2.108.536.626					
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-					
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	(206.587.420)	(206.587.420)	-	206.587.420					
<b>Cộng</b>	<b>58.863.670</b>	<b>7.417.719.624</b>	<b>13.667.766.858</b>	<b>12.059.557.212</b>	<b>58.863.670</b>	<b>9.025.929.270</b>						

(\*) Trong năm, giảm số thuế phải nộp do thoái vốn Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (i)	137.284.726.078	137.284.726.078	136.952.090.629	67.858.311.379
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (ii)	112.523.903.610	112.523.903.610	122.050.159.117	102.060.036.676
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	77.282.274.607	77.282.274.607	77.282.274.607	74.890.841.721
Ngân hàng CSXH - PGD thị xã Bến Cát	2.395.640.000	2.395.640.000	2.395.640.000	-
Ngân hàng CSXH - PGD huyện Phú Giáo	26.520.000	26.520.000	26.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>329.513.064.295</b>	<b>329.513.064.295</b>	<b>338.706.684.353</b>	<b>244.809.189.776</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND
Trái phiếu phát hành (iv)	242.055.273.973	242.055.273.973	240.350.000.000	(1.705.273.973)	-	-
- Mệnh giá	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Phạm Thành Thủy Các cá nhân khác	214.486.000.000	214.486.000.000	214.486.000.000	-	-	-
- Chi phí phát hành:	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
	5.514.000.000	5.514.000.000	5.514.000.000	-	-	-
	(7.944.726.027)	(7.944.726.027)	(9.650.300.000)	(1.705.273.973)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>242.055.273.973</b>	<b>242.055.273.973</b>	<b>240.350.000.000</b>	<b>(1.705.273.973)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2021-HĐCV/HM/NHCT680-ACC ngày 21/05/2021:

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Theo từng Giấy nhận nợ và dưới 12 tháng;
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
  - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ký 15/03/2021.
  - Theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/245719/HĐTD ngày 28/07/2021:

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; ngân hàng không cấp tín dụng để Khách hàng đầu tư tài chính và kinh doanh Bất động sản;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/245719/HĐBĐ ngày 25/12/2019 giữa, số công chứng 014559, quyển số 014559, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.

(iii) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1800-LAV-210044149 ngày 31/05/2021:

- Hạn mức vay: 90.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- Thời gian cấp hạn mức: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
  - Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia BK 075011, số vào sổ GCN: CT 03506 do UBND tỉnh Bình Dương ủy quyền Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/2012 tại KCN Mỹ Phước 1 phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của ông Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

(iv) Thông tin trái phiếu phát hành:

- Mã trái phiếu: ACCH2123001;
- Bên mua trái phiếu: Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các cá nhân;
- Mục đích phát hành: Đầu tư xây dựng dự án Bất động sản;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Tổng chi phí phát hành: 9.650.000.000 VND;
- Lãi suất: 10,2%/năm, lãi được trả 06 tháng/lần;
- Thời điểm phát hành: 25/08/2021. Kỳ hạn gốc: 2 năm. Kỳ hạn còn lại: 20 tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất tại Bình Dương và Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC và các tổ chức, cá nhân khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	61.147.235.261	48.699.668.994	28.153.280.116	248.582.839.502							
Tăng vốn trong năm	200.000.000.000	(182.198.000)	-	-	-	-	199.817.802.000							
Lãi trong năm	-	-	-	-	59.315.566.214	5.715.054.432	65.030.620.648							
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(760.200.000)	(5.760.200.000)							
Trích lập quỹ trong	-	-	-	1.613.558.026	(3.366.703.869)	688.164.624	(1.084.991.219)							
Tăng do hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-	140.504.471	-	140.504.471							
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.344.945.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>62.760.793.287</b>	<b>99.769.035.810</b>	<b>33.796.289.172</b>	<b>506.726.575.400</b>							
Số dư tại 01/01/2021	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	62.760.793.287	99.769.035.810	33.796.289.172	506.726.575.400							
Lãi trong năm	-	-	-	-	37.605.046.079	892.366.173	38.497.402.252							
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	(15.000.000.000)							
Trích lập quỹ trong	-	-	-	-	(2.175.403.781)	-	(2.175.403.781)							
Thư lao của HĐQT,	-	-	-	-	(870.161.513)	-	(870.161.513)							
Ben kiểm soát	-	-	-	-	(20.227.617.444)	(25.414.990.737)	(52.092.422.481)							
Ảnh hưởng thoái vốn AHP	-	-	-	(6.449.814.300)	-	-	-							
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.344.945.181</b>	<b>9.055.511.950</b>	<b>56.310.978.987</b>	<b>99.100.899.151</b>	<b>9.273.654.608</b>	<b>475.085.989.877</b>							



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	7.470.000	74.700.000.000	24,90%	7.470.000	74.700.000.000	24,90%
Ông Hoàng Xuân Quang	7.240.000	72.400.000.000	24,13%	7.240.000	72.400.000.000	24,13%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	7.100.112	71.001.120.000	23,67%	7.100.112	71.001.120.000	23,67%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	2.997.600	29.976.000.000	9,99%	2.997.600	29.976.000.000	9,99%
Các cổ đông khác	5.192.288	51.922.880.000	17,31%	5.192.288	51.922.880.000	17,31%
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	200.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>5.760.200.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	77.641.100.944	193.036.123.979
Doanh thu thi công công trình	258.965.449.522	283.178.880.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	16.392.785.610	8.709.182.033
<b>Cộng</b>	<b>352.999.336.076</b>	<b>484.924.186.610</b>

##### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	22.690.713.110	41.068.916.423
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	1.758.537.556	-
<b>Cộng</b>	<b>25.869.805.566</b>	<b>42.688.243.343</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	56.797.598.975	115.203.419.085
Giá vốn của thi công công trình	209.025.542.184	227.688.937.423
Giá vốn cung cấp dịch vụ, hàng hóa	14.193.361.635	8.999.902.283
<b>Cộng</b>	<b>280.016.502.794</b>	<b>351.892.258.791</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	864.250.083	734.656.500
Lãi bán quyền mua cổ phiếu (*)	17.918.400.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.239.800.000	1.992.000.000
Lãi tiền ký quỹ	-	108.972.284
<b>Cộng</b>	<b>21.022.450.083</b>	<b>2.835.628.784</b>

(\*) Tiền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP (mã chứng khoán: BMJ), số lượng 17.918.400 cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.4 Chi phí tài chính	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	22.403.254.196	13.155.003.563
Chi phí phát hành trái phiếu	648.004.110	-
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	1.450.387.997	-
<b>Cộng</b>	<b>24.501.646.303</b>	<b>13.155.003.563</b>
6.5 Chi phí bán hàng	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	2.066.399.105	2.937.012.480
Chi phí vật liệu, bao bì	81.712.670	99.059.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.656.281.171	8.843.335.746
Các khoản chi phí bán hàng khác	288.214.801	3.702.337.264
<b>Cộng</b>	<b>9.090.607.747</b>	<b>15.581.745.190</b>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.867.783.818	17.128.364.566
Chi phí khấu hao TSCĐ	768.777.613	1.290.778.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.674.595.039	4.915.956.974
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.578.423.568	6.314.525.029
<b>Cộng</b>	<b>16.889.580.038</b>	<b>29.649.624.789</b>
6.7 Thu nhập khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.164.750.297	145.454.545
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	2.578.351.772	1.123.448.399
Thu hộ tiền điện các hộ dân	-	235.219.119
Các khoản khác	21.637	154.383.511
<b>Cộng</b>	<b>3.743.123.706</b>	<b>1.658.505.574</b>
6.8 Chi phí khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí tiền điện trả thay các hộ dân	-	257.944.119
Các khoản khác	3.776.839	15.803.320
<b>Cộng</b>	<b>3.776.839</b>	<b>273.747.439</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty mẹ	8.951.004.362	9.826.123.463
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP		3.524.640.539
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.951.004.362</b>	<b>13.350.764.002</b>

### 6.10 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.605.046.079	59.315.566.214
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	37.605.046.079	59.315.566.214
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.924.870.113)	(2.175.403.781)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	10.816.045
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.189</b>	<b>5.283</b>
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (**)	74.999.993	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>340</b>	<b>5.283</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông.

(\*\*) Là số cổ phiếu được phát hành ra công chúng ngày 16/02/2022.

### 6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.684.736.825	190.077.732.124
Chi phí nhân công	42.262.001.945	56.808.245.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.429.679.807	9.133.588.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.412.406.717	121.544.599.847
Chi phí khác bằng tiền	2.490.570.252	4.939.101.067
<b>Cộng</b>	<b>325.279.395.546</b>	<b>382.503.266.313</b>

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong kỳ, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

### 7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thành viên Ban Kiểm soát
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	Cổ đông lớn
Ông Hoàng Xuân Quang	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn

**7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm được trình bày tại phụ lục số 01.*

**7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương</b>		
Chuyển tiền thực hiện dự án	155.000.000.000	-
Nhập kho sắt và ống uPVC	263.058.300	-
Trả tiền thuê xe cẩu và mua sắt	460.192.130	-
Cung cấp dịch vụ thi công và bán thành phẩm	22.690.713.110	41.068.916.423
Thuê cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	218.181.816	254.795.452
Thuế xe cuốn bánh	-	98.872.780
Thu tiền góp vốn	-	49.800.000.000
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP</b>		
Nhận tiền cổ tức	2.239.800.000	-
Nhận lại dầu	272.682.698	-
Thuê xe thi công	468.181.816	-
Thanh toán tiền	24.400.086.842	-
Nhận tạm ứng tiền thi công	9.538.756.336	-
Tạm ứng mua đá và thi công	18.367.327.400	-
Nhận lại hoàn ứng tiền mua đá và thi công	10.765.037.600	-
Thanh lý tài sản cố định	3.381.818.182	-
Mua đá nguyên liệu	9.103.386.489	-
Thu tiền bán hàng	7.661.136.351	-
<b>Pyn Elite Fund (Non - Ucits)</b>		
Nhận tiền góp vốn	-	19.984.000.000
<b>Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Cổ tức	-	1.992.000.000
Nhận tiền cổ tức	1.992.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.2.4. Số dư với các bên liên quan**  
Công ty không có số dư với các bên liên quan.

**7.3. Báo cáo bộ phận**  
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

**7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

**7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

**7.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Một số chỉ tiêu được trình bày lại như đã trình bày tại mục 6.10 - "Lãi trên cổ phiếu".

TT	Khoán mục	Mã số	Số theo BCKIT năm 2020	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.179	5.283	104
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.179	5.283	104

**7.5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngày 23/12/2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty đã thực hiện chào bán thêm theo đúng thời hạn và ngày 15/02/2022 đã kết thúc đợt chào bán cổ phiếu. Sau đợt chào bán này, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 749.999.930.000 đồng và số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng thêm 74.999.993 cổ phiếu. Tại ngày 24/02/2022, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 09 với tổng số vốn điều lệ là: 1.049.999.930.000 VND.



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Phạm Huy Hậu  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy  
Người lập biểu

03  
03  
2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
**Phụ lục 01: Thông tin về tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Thông tin về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2021			Năm 2020		
	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền thù lao VND	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền thù lao VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>1.209.284.294</b>	-	<b>469.800.000</b>	<b>866.410.000</b>	<b>152.064.500</b>	<b>451.000.000</b>
Phạm Xuân Phương	240.000.000	-	130.500.000	560.000.000	61.000.000	101.000.000
Nguyễn Bảo Long	397.500.000	-	87.000.000	-	-	-
Nguyễn Xuân Cường	385.614.978	-	-	-	-	-
Trương Văn Thân	186.169.316	-	-	-	-	-
Nguyễn Đình Trường	-	-	-	-	-	101.000.000
Đỗ Mạnh Cường	-	-	95.700.000	-	-	93.500.000
Nguyễn Hải Đăng	-	-	52.200.000	-	-	93.500.000
Hoàng Xuân Quang	-	-	52.200.000	245.000.000	53.500.000	62.000.000
Nguyễn Quốc Thanh	-	-	52.200.000	61.410.000	37.564.500	-
<b>Ban Kiểm soát</b>	-	-	<b>251.000.000</b>	-	-	<b>234.000.000</b>
Hoàng Văn Anh	-	-	87.000.000	-	-	78.000.000
Lê Thị Tươi	-	-	87.000.000	-	-	78.000.000
Trần Thanh Tùng	-	-	43.500.000	-	-	78.000.000
Nguyễn Thanh Hữu	-	-	43.500.000	-	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>2.768.207.172</b>	-	<b>52.200.000</b>	<b>2.320.962.216</b>	<b>189.550.097</b>	-
Võ Thành Tài	274.588.343	-	-	393.866.970	1.000.000	-
Ngô Anh Quân	343.333.333	-	52.200.000	-	-	-
Nguyễn Hồng Tuyên	-	-	-	312.554.067	49.255.682	-
Nguyễn Thị Thủy Vân	526.691.303	-	-	389.138.259	38.099.333	-
Phạm Hữu Nguyễn	535.000.000	-	-	344.311.052	1.000.000	-
Lê Hùng Lam	522.067.137	-	-	30.857.778	24.058.264	-
Nguyễn Thế Anh	139.487.033	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 01/02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Phụ lục 01: Thông tin về tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2021		Năm 2020	
	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND
Nguyễn Đức Thuận	427.020.023	-	-	-
P.TGD	-	-	-	-
Nguyễn Xuân Cường	-	-	415.223.945	37.572.318
P.TGD	-	-	-	-
Phạm Huy Hậu	-	-	408.628.600	38.564.500
P.TGD	-	-	-	-
Phạm Thị Sương	-	-	26.381.545	-
P.TGD TT	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.977.491.466</b>	<b>-</b>	<b>783.000.000</b>	<b>341.614.597</b>
				<b>685.000.000</b>

WVN 01 6/5/1  
 WVN 02 6/5/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	64.677.000.792	258.965.449.522	16.392.785.610	15.684.811.834	-	355.720.047.758
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	(2.720.711.682)	(2.720.711.682)
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.677.000.792</b>	<b>258.965.449.522</b>	<b>16.392.785.610</b>	<b>15.684.811.834</b>	<b>(2.720.711.682)</b>	<b>352.999.336.076</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.537.374.856	49.939.907.338	2.199.423.975	2.026.838.795	(2.720.711.682)	72.982.833.282
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(25.980.187.785)
Doanh thu hoạt động tài chính						47.002.645.497
Chi phí tài chính						21.022.450.083
Thu nhập khác						(24.501.646.303)
Chi phí khác						3.743.123.706
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(3.776.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(8.951.004.362)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.054.600.000</b>			<b>185.610.470</b>
tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						<b>38.497.402.252</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.348.418.419</b>	<b>2.615.245.504</b>		<b>1.855.031.555</b>		<b>5.818.695.478</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đã	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm trước</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	118.601.822.996	283.178.880.598	11.267.739.454	71.811.665.762	-	484.860.108.810
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			1.232.764.056	25.458.845.049	(26.691.609.105)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>118.601.822.996</b>	<b>283.178.880.598</b>	<b>12.500.503.510</b>	<b>97.270.510.811</b>	<b>(26.691.609.105)</b>	<b>484.860.108.810</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	46.079.850.001	55.489.943.175	3.500.601.227	27.005.100.932	892.354.694	132.967.850.019
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(45.231.369.979)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						87.736.480.040
Doanh thu hoạt động tài chính						2.835.628.784
Chi phí tài chính						(13.155.003.583)
Thu nhập khác						1.658.505.574
Chi phí khác						(273.747.439)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(13.350.764.002)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(420.478.748)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.742.014.852</b>	<b>11.692.544.126</b>	<b>2.551.454.456</b>	<b>6.822.483.903</b>	<b>-</b>	<b>30.808.497.337</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.161.428.248</b>	<b>2.214.163.385</b>	<b>121.909.494</b>	<b>4.239.848.264</b>	<b>-</b>	<b>7.737.349.391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**  
 Lô D\_3\_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.240.283.026	353.573.146.212	3.565.068.373	-	-	407.378.497.610
Tổng tài sản						<u>768.164.527.991</u>
						<u><b>1.175.563.025.601</b></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.562.725.812	72.238.131.337	-	-	(1.054.356.030)	73.746.501.119
Tổng nợ phải trả						<u>626.730.534.605</u>
						<u><b>700.477.035.724</b></u>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.325.150.494	515.249.901.036	37.646.268	184.042.907.807	(67.637.147.736)	683.018.457.867
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						229.985.810.035
Tổng tài sản						<u>913.004.267.902</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.217.865.795	65.984.880.715	44.782.214	68.036.658.728	(13.529.840.057)	138.754.346.395
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						267.523.344.107
Tổng nợ phải trả						<u>406.277.692.502</u>



*Bình Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



*Nguyễn Bảo Long*  
**NGUYỄN BẢO LONG**

